



# CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

## *BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021*



Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng



[Http://sonhaiphong.com.vn](http://sonhaiphong.com.vn)



0225.3593681 – 3641121 – 3593682

# MỤC LỤC

- I. THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- II. THÔNG TIN CHUNG
- III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng, tôi xin gửi tới Quý vị cổ đông lời chào trân trọng nhất, chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn do đại dịch Covid-19 với các biến chủng mới hoành hành trên khắp thế giới. Đặc biệt tại Việt Nam với đợt dịch bùng phát thứ tư vào quý 2 và quý 3 năm 2021 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống của người lao động.

Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng không nằm ngoài vòng xoáy của đại dịch. Tuy nhiên với sự cố gắng, nỗ lực của toàn thể CBCNV và ban lãnh đạo, Công ty đã giữ vững được doanh thu, đảm bảo được cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.

Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc. Trước những diễn biến khó lường của dịch bệnh và thị trường, ban điều hành đã có những chỉ đạo kịp thời, sát sao để vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh, kiểm soát tốt dịch bệnh, vừa đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Với những nỗ lực vượt bậc, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất và bán hàng.

Với những giải pháp đồng bộ, kịp thời cùng sự đoàn kết của cán bộ nhân viên, sự tin tưởng của Quý cổ đông sẽ là những động lực lớn để công ty tiếp tục vươn lên khẳng định vị thế của mình, và chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công và phát triển của Sơn Hải Phòng trong giai đoạn mới, tạo dựng được vị thế vững chắc trên thị trường.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng Sơn Hải Phòng trong thời gian qua, xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, an khang thịnh vượng!

Thay mặt HĐQT

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Văn Viện

## **II. THÔNG TIN CHUNG**

- 1. Thông tin chung**
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- 3. Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức**
- 4. Giới thiệu ban lãnh đạo**
- 5. Định hướng phát triển**
- 6. Các nhân tố rủi ro**



## 1. Thông tin chung

<b>Tên giao dịch</b>	<b>Công ty cổ phần Sơn Hải phòng</b>
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	<b>0200575580</b>
<b>Vốn Điều lệ</b>	<b>80.071.770.000 đồng</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>80.071.770.000 đồng</b>
<b>Địa chỉ</b>	<b>Số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng</b>
<b>Số điện thoại</b>	<b>0225.3593681 – 3641121 – 3593682</b>
<b>Website</b>	<b><a href="http://sonhaiphong.com.vn">http://sonhaiphong.com.vn</a></b>
<b>Số Fax</b>	<b>(84.225) 359 3680 - 357 1053</b>
<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>HPP</b>
<b>Nơi niêm yết</b>	<b>Sàn giao dịch Upcom</b>





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1996: Bắt đầu hợp tác với Hãng sơn Chu-goku Marine Paint, hãng sơn hàng đầu của Nhật Bản về sơn tàu biển, công trình biển

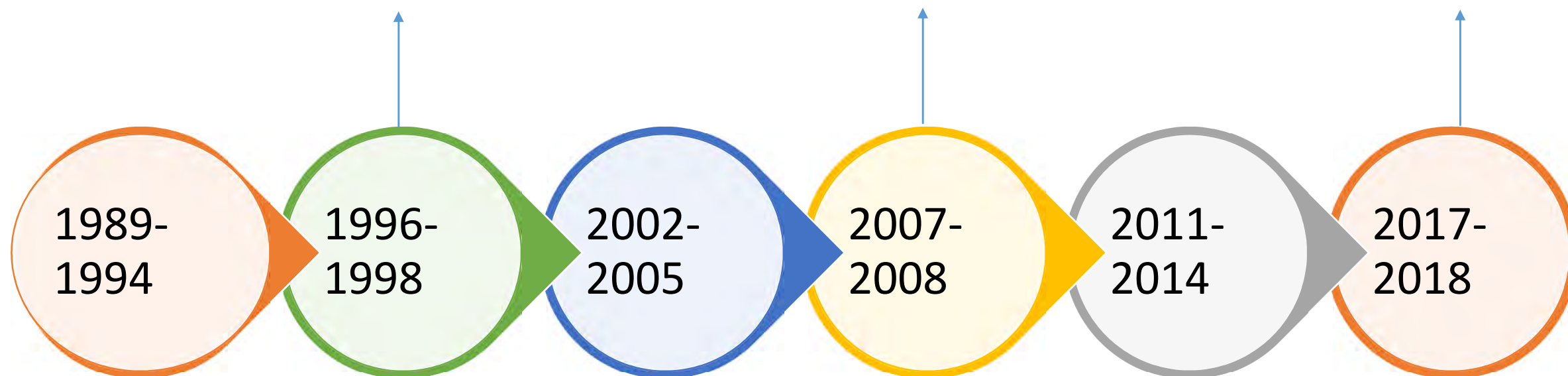
Năm 1998: khánh thành dây chuyền sơn tàu biển hiện đại, công suất 2000 tấn/ năm. Năm 1999 được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000

Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên thành 53 tỷ đồng

Năm 2008: đầu tư dây chuyền sơn tấm lợp công suất 5.000 tấn/năm, nâng công suất nhà máy lên 15.000 tấn/năm

Năm 2017: Hoàn thành mở rộng dây chuyền nhựa Alkyd nâng công suất lên 10.000 tấn/năm

Năm 2018: Hoàn thành tái thẩm định chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia



1989-  
1994

Năm 1989: Đổi tên Xí nghiệp hóa chất sơn dầu thành nhà máy sơn Hải Phòng

Năm 1994: Nhập thiết bị sản xuất nhựa Alkyd của Cộng hòa liên bang Đức, chuyển đổi toàn bộ sản phẩm sơn gốc dầu sang sản xuất sơn gốc Alkyd phục vụ cho đóng tàu, giao thông và công nghiệp

1996-  
1998

Năm 1996: Bắt đầu hợp tác với Hãng sơn Chu-goku Marine Paint, hãng sơn hàng đầu của Nhật Bản về sơn tàu biển, công trình biển

Năm 1998: khánh thành dây chuyền sơn tàu biển hiện đại, công suất 2000 tấn/ năm. Năm 1999 được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000

2002-  
2005

Năm 2002 : UBND thành phố Hải Phòng có quyết định về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty Sơn Hải Phòng

Năm 2004: Công ty Sơn Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty cổ phần sơn Hải Phòng với vốn điều lệ 20 tỷ đồng

Năm 2005: Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 25,5 tỷ đồng

2007-  
2008

Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên thành 53 tỷ đồng

Năm 2008: đầu tư dây chuyền sơn tấm lợp công suất 5.000 tấn/năm, nâng công suất nhà máy lên 15.000 tấn/năm

2011-  
2014

Năm 2011: Góp vốn thành lập công ty CP Bao bì VLC

Năm 2014: Công ty đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất nhựa Alkyd nâng công suất từ 500 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm để chủ động nguyên liệu sản xuất và bán ra thị trường

2017-  
2018

Năm 2017: Hoàn thành mở rộng dây chuyền nhựa Alkyd nâng công suất lên 10.000 tấn/năm

Năm 2018: Hoàn thành tái thẩm định chứng chỉ ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 và Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia



## Ngành nghề kinh doanh

- ✚ Sản xuất và kinh doanh sơn các loại
- ✚ Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất thông thường

Các sản phẩm và dịch vụ kinh doanh chính Sơn tàu biển là sản phẩm mũi nhọn của Công ty CP Sơn Hải Phòng trên cơ sở chuyên giao công nghệ với hãng Chugoku Marine Paints (CMP) của Nhật Bản - 1 trong 3 hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là nhà cung cấp hàng đầu về sơn tàu biển và chiếm hơn 50% thị trường sơn tàu.



**Sơn công nghiệp** sản xuất theo công nghệ tiên tiến của hãng CMP – Nhật Bản. Trong những năm qua, sản phẩm sơn công nghiệp đã phục vụ hầu hết các công trình trọng điểm của đất nước như: Sơn cho các dự án nhà máy công nghiệp: xi măng, nhiệt điện, thủy điện, điện gió, giấy, hóa chất, cán thép, lọc dầu...

**Sơn chống cháy SHP WB** là loại sơn chống cháy hệ nước được hình thành từ gốc nhựa Poly vinyl acetate kết hợp với các thành phần chất chống cháy có nguồn gốc Photpho và nito thân thiện với môi trường và người sử dụng.



**Sơn sàn công nghiệp** Từ thế mạnh về sơn tàu biển, công trình biển, Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng đã tập trung phát triển các chủng loại sơn công nghiệp nặng, đặc biệt là sơn sàn công nghiệp. Sơn sàn công nghiệp được thi công trên nền bê tông có tác dụng trang trí và bảo vệ bề mặt sàn, chống thấm nước, tăng cường khả năng chịu lực, chịu ăn mòn... Sản phẩm được áp dụng để sơn nền nhà xưởng công nghiệp, nhà máy chế biến thức ăn, văn phòng, trường học, nhà để xe, siêu thị.

Hiện nay công ty CP Sơn Hải Phòng đã cung cấp cho các đơn vị như Xăng dầu KV 3, nhà máy dây cáp điện tàu thủy VINASHIN – Đà Nẵng, các sàn nhà xưởng của 7 thành viên trong Tập đoàn.

**Nhựa Alkyd** gồm nhựa Alkyd dài, Nhựa Alkyd trung, Nhựa Alkyd ngắn và Nhựa Alkyd FA

**Sơn tấm lợp** là dòng sản phẩm chất lượng cao trên cơ sở gốc nhựa Polyester biến tính, được thi công trên nền thép lá cuộn (HDGI, CR, EGO ...) tại các nhà máy sản xuất tôn mạ màu. Sản phẩm được ứng dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp, trong xây dựng, dân dụng. Công ty đã cung cấp sản phẩm sơn tấm lợp trong nhiều năm qua cho các khách hàng như Công Ty TNHH Thương mại và Công nghiệp Mỹ Việt, Công Ty TNHH Một thành viên Hoa Sen Nghệ An, Công Ty Cổ phần SYSTEEL VINA, Công Ty TNHH Tôn Hòa Phát, Công ty Cổ phần Tôn Vikor, Công ty CP sản xuất tôn màu Shaco, Công ty CP tôn thép Việt Pháp...



**Sơn lót thép** mạ kẽm AC – Zn là sơn lót hiệu quả cao, gốc nhựa Acryl-ic và khô do bay hơi dung môi. Đây là loại sơn dễ thi công và đặc biệt có khả năng đạt được độ dày màng sơn khô cao khi thi công bằng súng phun.



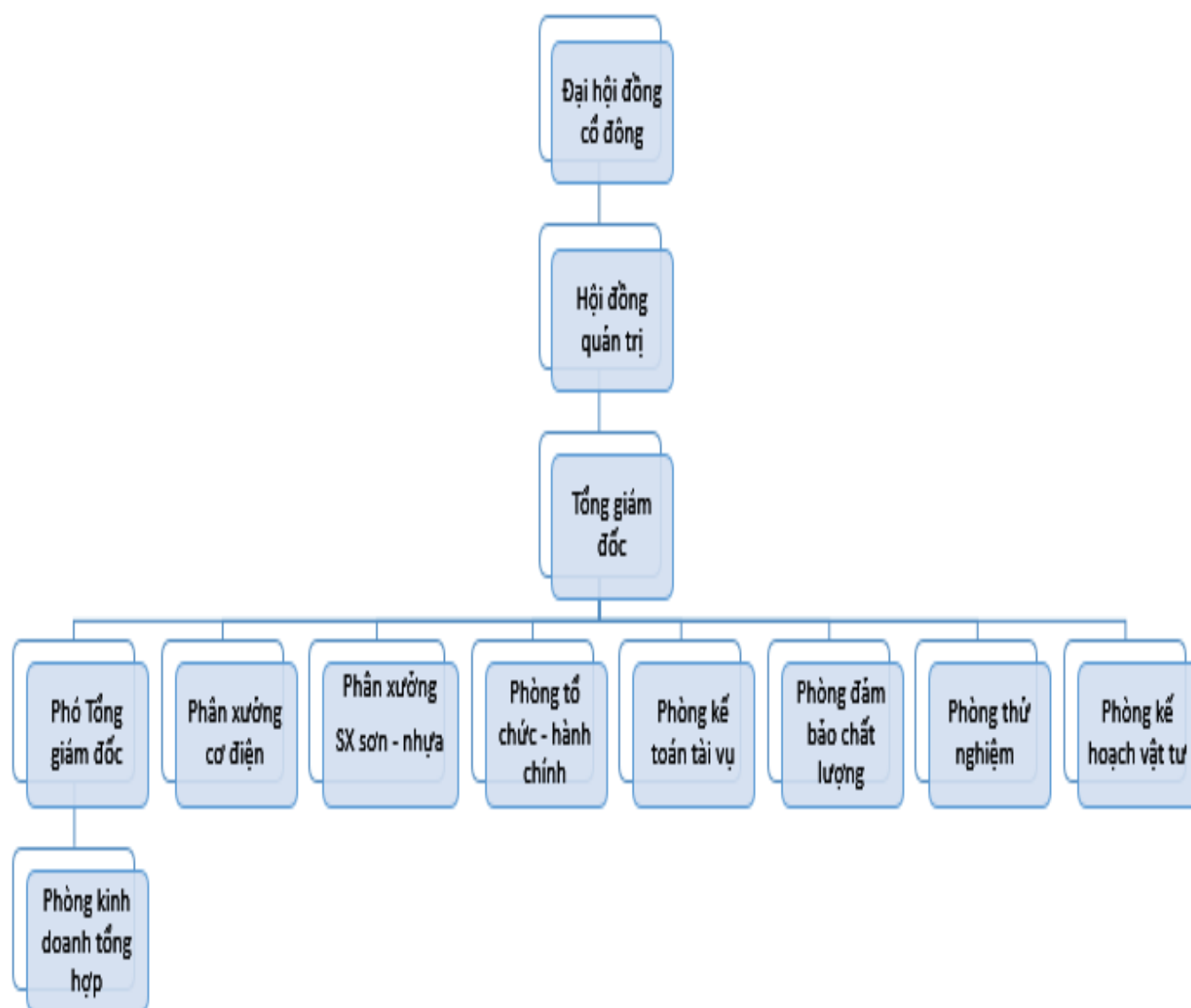
## Địa bàn kinh doanh

Định hướng trong tương lai Công ty sẽ mở rộng hệ thống kinh doanh phân phối sơn rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước; trọng tâm hiện tại ở thành phố Hải Phòng, các tỉnh miền Trung, Nam Trung Bộ và các vùng lân cận như: Hải Dương, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Đà Nẵng, Quảng Ninh...



### 3. Mô hình quản trị công ty và bộ máy quản lý

#### ✚ Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



#### Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Sơn Hải Phòng. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

#### Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

#### Ban Giám đốc

Là ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Tổng Giám Đốc là người đại diện cho Công ty.







#### 4. Giới thiệu ban lãnh đạo

Giới thiệu Hội đồng Quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2020
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615.142	7,68%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	330.537	4,13%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236.483	2,95%
4	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41.909	0,52%
5	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126.219	1,58%

#### Ông Nguyễn Văn Viện



Ngày sinh	15/12/1944
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện, Đại học quản lý kinh tế
Trình độ chính trị	Trung cấp
<b>Quá trình công tác</b>	
09/1964 – 05/1982	Giáo viên Trường cơ điện Hải Phòng
06/1982 – 03/1989	Phó phòng Tổ chức lao động Sở Công nghiệp Hải Phòng
04/1989 – 12/2003	Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
01/2004 – 05/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
05/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

#### Ông Nguyễn Văn Dũng



Ngày sinh	08/09/1972
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư hóa, Bằng Giám đốc điều hành chuyên nghiệp ProCEO của IBL, Chứng chỉ Tiếng anh của Cam - bridge
Trình độ chính trị	Cao cấp
<b>Quá trình công tác</b>	
1994 – 1998	Làm việc tại phòng kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
1999 – 2003	Giám đốc chi nhánh Công ty Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh
2004 – 07/2007	Thành viên HĐQT, Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh
08/2007 – 05/2015	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn tàu biển Vinashin nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam
05/2015 – 04/2019	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng
05/2019 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Sơn Hải Phòng

#### Ông Vũ Trung Dũng



Ngày sinh	20/06/1959
Trình độ chuyên môn	Đại học Hóa (Kỹ sư hóa dầu)
<b>Quá trình công tác</b>	
1983 – 01/1985	Thực tập tại nhà máy lọc dầu Tiệp Khắc
08/1985 – 04/1989	Phó phòng KCS – Xí nghiệp hóa chất sơn dầu
1990 – 1996	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
1997 – 10/2000	Trưởng Chi nhánh Công ty Sơn Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh
1997 – 04/2012	Giám đốc Marketing Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
11/2008 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng



### Bà Bùi Kim Ngọc



Ngày sinh	16/12/1968
Trình độ chuyên môn	Kế toán tổng hợp – Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
Trình độ chính trị	Trung cấp chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
10/1989 – 09/1999	Nhân viên phòng tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
06/1982 – 03/1989	Phó phòng Tài vụ Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
04/1989 – 12/2003	Trưởng phòng tài vụ, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
01/2004 – 05/2015	Kế toán trưởng, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

### Ông Nguyễn Mộng Lân



Ngày sinh	09/01/1949
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư quá trình và thiết bị công nghiệp hóa chất
<b>Quá trình công tác</b>	
1973 – 1995	Viện thiết kế công nghiệp hóa chất
1994 – 1997	Công ty TNHH DASO
1995 – 1997	Phó Tổng Giám đốc Liên doanh hóa chất SOFT
1997 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Vico

### *Giới thiệu Ban kiểm soát:*

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến 31/12/2021
1	Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	10.838	0,14%
2	Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	19.543	0,24%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	40.494	0,51%

### Bà Lã Quỳnh Chi



Ngày sinh	22/02/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế QTKD
Trình độ chính trị	Sơ cấp
<b>Quá trình công tác</b>	
1984 – 1989	Kế toán Ngân hàng Lê Chân
1990 – 1993	Kế toán Ngân hàng Lê Chân
1994 – 2014	Phòng KD – Trưởng phòng KD – Giám đốc Bán hàng – Phó TGD Công ty TNHH VICO
2014 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng



### Bà Hoàng Thị Thu



Ngày sinh	16/07/1964
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hóa
<b>Quá trình công tác</b>	
01/1991 – 08/1997	Nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
09/1997 – 01/2001	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Sơn Hải Phòng
02/2001 – 09/2005	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
10/2005 đến nay	Giám đốc kỹ thuật Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

### Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm



Ngày sinh	15/02/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Kế toán thương mại
<b>Quá trình công tác</b>	
05/1986 – 11/1990	Nhân viên Phòng Kế hoạch vật tư và phòng Tổ chức hành chính xí nghiệp mạ điện Hải Phòng
12/1990 – 09/1998	Nhân viên Phòng TCHC Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng
10/1998 đến nay	Nhân viên phòng QA Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng

## 5. Định hướng phát triển

### Định hướng về công tác kinh doanh

Phát triển thị trường sơn đặc biệt là sơn dân dụng, sơn tàu biển, sơn sàn, sơn chống cháy và sơn tẩm lợp. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động cho hệ thống Đại lý thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách và cơ chế giám sát kiểm soát chặt chẽ. Đẩy mạnh phát triển thương hiệu thông qua những chiến dịch quảng cáo, xây dựng thương hiệu tốt thân thiện với môi trường được nhiều người tin dùng.



### Định hướng về phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường xây dựng các chính sách lương thưởng phúc lợi hấp dẫn đối với cán bộ công nhân viên, có chính sách tìm kiếm thu hút nhân tài để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong doanh nghiệp

### Định hướng về công tác sản xuất

Không ngừng đổi mới và nâng cấp trang thiết bị phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đến từ phía khách hàng cũng như người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, thân thiện môi trường



từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty. Tiếp

tục cải tiến hệ thống quản lý ISO 9001:2015 và ISO14001:2015 để đảm bảo chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty trên thị trường và trách nhiệm đối với xã hội.

### Định hướng phát triển thương hiệu và truyền thông

Phát triển bộ nhận diện thương hiệu, làm nổi bật hình ảnh của Công ty đối với khách hàng với những sản phẩm với chất lượng tuyệt vời, thân thiện với môi trường, trong đó chú trọng vào truyền thông, quảng cáo qua mạng.



## 6. Rủi ro

### a. Rủi ro bên ngoài

#### ✚ Rủi ro về kinh tế

Kinh tế thế giới đang trải qua nhiều biến động: đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt



Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất

trong vòng 30 năm qua. Đặc biệt đợt bùng phát dịch thứ 4 tại thành phố Hồ Chí Minh vào quý III/2021 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng và sản xuất. Hàng loạt nhà máy đóng cửa, cuộc sống của người lao động gặp rất nhiều khó khăn.

Giá dầu thô, sắt thép cùng nhiều loại nguyên liệu sản xuất đầu vào trên thế giới biến động thất thường, hoạt động logistics bị ngưng trệ. Giá thành sản phẩm bị đội lên cao khiến giá vốn hàng hóa phi mã, lợi nhuận sụt giảm. Mọi lo sợ về lạm phát không chỉ hiện hữu ở một nước mà ở trên bình diện quốc tế, đe dọa không nhỏ đến triển vọng hồi phục của nền kinh tế thế giới.

#### Giải pháp khắc phục

Kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo cấu trúc vốn an toàn. Phát triển kênh phân phối, hệ thống chăm sóc khách hàng, mở rộng đầu ra cho sản phẩm. Liên doanh liên kết với các hãng sơn lớn trên thế giới, đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, sản phẩm đặc thù, phát triển thị trường.

#### ✚ Rủi ro về pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia có ảnh hưởng rất nhiều đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung. Sơn Hải phòng là doanh nghiệp đại chúng hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất, chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Môi trường, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ... Những thay đổi về pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống tạo môi trường thông thoáng và đơn giản hóa các thủ tục hành chính để đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



#### Giải pháp khắc phục

Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan hoạt động của doanh nghiệp, những thay đổi về chính sách pháp luật và kịp thời ứng dụng, điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và hoạt động của



chấp có thể xảy ra.

Doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết Công ty sử dụng các đơn vị tư vấn pháp lý chuyên nghiệp để hạn chế tối đa rủi ro, tránh tranh

#### ✚ Rủi ro về lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái



- Về lạm phát: lạm phát cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty làm chi phí nguyên vật

liệu đầu vào tăng cao, hiệu quả kinh doanh giảm sút... Tuy nhiên, mấy năm gần đây lạm phát cao tại Việt Nam được ổn định, duy trì ở mức thấp là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Công ty

- Về lãi suất: lãi suất huy động vốn cho doanh nghiệp cao sẽ làm tăng chi phí tài chính của doanh nghiệp vay vốn từ đó giảm hiệu suất kinh doanh tuy nhiên rủi ro này đối với Công ty là thấp vì tỷ lệ các khoản vay của Công ty là không cao.

- Về tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu tỷ giá tăng thì chi phí đầu vào của công ty cũng tăng theo, trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu của công ty vì nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là được nhập khẩu.

#### Giải pháp khắc phục

Thường xuyên đánh giá sự biến động về tài chính, chủ động sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo cấu trúc vốn tối ưu, giảm thiểu tác động bất lợi trước những biến động thị trường tài chính trong và ngoài nước.



## b. Rủi ro nội tại

### Rủi ro nguyên liệu

Hiện nay, nguyên liệu chính (Bột màu, bột phụ trợ, chất tạo màng...) của ngành sản xuất Sơn trong nước nói chung và của Công ty nói riêng chủ yếu được nhập khẩu từ Indonesia, Singapore, Thái Lan ... Do đó, những sự biến động về kinh tế - chính trị của các nước này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Do nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 60 - 65% giá thành sản phẩm, nên biến động giá cả nguyên vật liệu cũng tác động lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Giải pháp khắc phục

Công ty luôn chủ động trong việc xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng phục vụ cho sản xuất chính xác và kiểm soát được giá cả.

Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường, có chiến lược hợp lý trong việc đặt mua nguyên vật liệu ở những thời điểm giá tốt và dự trữ nguồn nguyên vật liệu để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất được tiến hành liên tục và đạt hiệu quả cao. Đầu tư cho sản xuất nhựa alkyd, nghiên cứu sản xuất nhựa Polyester ..., nội địa hóa nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất sơn để tự chủ hơn về nguồn nguyên vật liệu.

### Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất sơn trong đó sản phẩm chủ đạo là sơn tàu biển. Đây là một lĩnh vực liên quan đến các loại hóa chất nên đây có thể coi là một ngành nghề nhạy cảm và có rủi ro cao do có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra trong quá trình sản xuất, Công ty còn phải đối mặt với nguy cơ cao về cháy nổ do các nguyên liệu để sản xuất sơn chủ yếu có nguồn gốc từ dầu mỏ. Hơn thế nữa, khí sơn phát sinh trong quá trình sản xuất có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của các cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực nhà máy.

### Giải pháp khắc phục

Nghiên cứu sản phẩm thân thiện môi trường thay thế sản phẩm truyền thống, sử dụng dung môi nước, nguyên liệu không độc hại cho môi trường phù hợp công ước quốc tế và luật bảo vệ môi trường. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà máy- hiện đại hóa quy trình sản xuất, đầu tư văn phòng làm việc khang trang hiện đại. Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên tuyên truyền, đào tạo tập huấn nâng cao ý thức của CBNV về phòng cháy chữa cháy, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi làm việc.

### Rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh không thể tránh khỏi những sai sót trong việc quản lý tài chính, tài sản, nguồn vốn... và đầu tư do còn phụ thuộc nhiều vào các tác động của thị trường và các tác nhân bên ngoài khác.

Do đó Công ty cần phải đánh giá chính xác được tình hình tài chính, lên kế hoạch quản lý vốn hiệu quả để rủi ro ở mức thấp nhất.



# III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

---

Tổ chức và nhân sự

---

Tình hình đầu tư

---

Cơ cấu cổ đông

---

Tình hình tài chính





## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện Năm 2021	Tỷ lệ % TH/KH	% năm 2021/2020
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	770	762,513	99	108,9
2	Sản lượng tiêu thụ sơn, nhựa Alkyd	Tấn	12.000	7.393	61,6	71,3
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	70,373	70,37	67,63
4	Tỷ lệ cổ tức	%	30	30	100	100

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Đặc biệt đợt bùng phát dịch thứ 4 tại thành phố Hồ Chí Minh vào quý III/2021 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng và sản xuất. Hàng loạt nhà máy đóng cửa, cuộc sống của người lao động gặp rất nhiều khó khăn.

Từ quý II năm 2021, Công ty chịu ảnh hưởng lớn do giá nguyên liệu tăng đột biến. Các

nguyên liệu chính dùng cho sản xuất tăng rất mạnh, cá biệt có loại tăng đến hơn 200%. Đây là điều chưa từng xảy ra từ trước đến nay. Điển hình: Dầu đỗ tương giá từ 18.000đ/kg tăng lên 38.300đ/kg; Nhựa Epoxy: từ 1,55 USD/kg tăng lên 5,2 USD/kg; Titan 1,8

USD/kg tăng lên 3 USD/kg; Dung môi: từ 14.000 đ/kg tăng lên 19.000đ/kg. Giá nguyên liệu tăng vọt làm giá vốn tăng cao cộng thêm việc sản lượng tiêu thụ sụt giảm khiến cho lợi nhuận không đạt được kế hoạch.



Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện quyết liệt các giải pháp một cách đồng bộ như sau

- Thực hiện một loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí như: sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm hợp lý tránh lãng phí, bố trí sản xuất sao cho vừa nâng cao năng suất, vừa tiết kiệm nhân lực, tránh không phải sản xuất vào các ngày thứ bảy và chủ nhật.
- Chiến lược về phát triển các sản phẩm mới nhằm phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng cùng với các biện pháp nhằm khuyến khích, mở rộng thị trường đã đi đúng hướng, giúp Công ty đạt được mục tiêu về doanh thu.



Nhờ một loạt các giải pháp tích cực, Công ty đã giữ vững được chỉ tiêu tổng doanh thu và đạt được một số thành tích sau:

- TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021 .
- Công ty luôn thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và nghiêm túc tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật.
- Duy trì và vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng - môi trường.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao vừa đảm bảo sức khỏe cho người lao động, vừa tạo lập nền tảng văn hóa doanh nghiệp, tạo được sự gắn bó mật thiết giữa CBCNV và Công ty.



## 2. Tổ chức và nhân sự

### Thành viên Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	4,13%
2	Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	0,52%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	2,95%

Trong năm Công ty không có sự thay đổi về thành viên ban điều hành.

### Số lượng cán bộ nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng (người)	Tỷ Trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ Trọng (%)
<b>Tổng Số lượng lao động</b>	189		190	
đại học và trên đại học	105	55,56	104	55,74
cao đẳng, trung cấp	33	17,46	34	17,89
sơ cấp và công nhân kỹ thuật			19	10,00
lao động phổ thông	51	26,98	33	17,37

## Chính sách đối với người lao động

### Chính sách lương thưởng phúc lợi:

Nhân lực là nền tảng cốt lõi để vận hành bộ máy của Công ty. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Theo đó Ban lãnh đạo đã xây dựng một chính sách lương thưởng phù hợp, khuyến khích người lao động tham gia tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: lương khoán sản phẩm đối với bộ phận sản xuất và khoán doanh thu cho bộ phận bán hàng. Công ty cũng xây dựng cơ chế lương ưu đãi riêng cho cán bộ nhân viên tham gia vào hoạt động phân tích nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và sản phẩm mới của công ty.

Đối với từng cá nhân, công ty đều xây dựng chính sách đãi ngộ xứng đáng, phù hợp với năng lực chuyên môn, tinh thần làm việc và cống hiến. Ngoài ra, những tập thể xuất sắc, có đóng góp nổi bật cho các mặt hoạt động trong năm đều được khen thưởng, động viên kịp thời, xứng đáng.

Năm	Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)
2017	15.915.000
2018	16.120.000
2019	19.940.000
2020	22.700.000
2021	19.762.000

### Đào tạo người lao động:

Công ty luôn duy trì tốt công tác đào tạo, đã phối hợp với các trung tâm đào tạo tổ chức nhiều khóa học cho người lao động. Ngoài ra, công tác đào tạo nội bộ cũng được ưu tiên, giảng viên nội bộ truyền đạt kinh nghiệm thực tế kết hợp với đào tạo trường lớp về chuyên môn

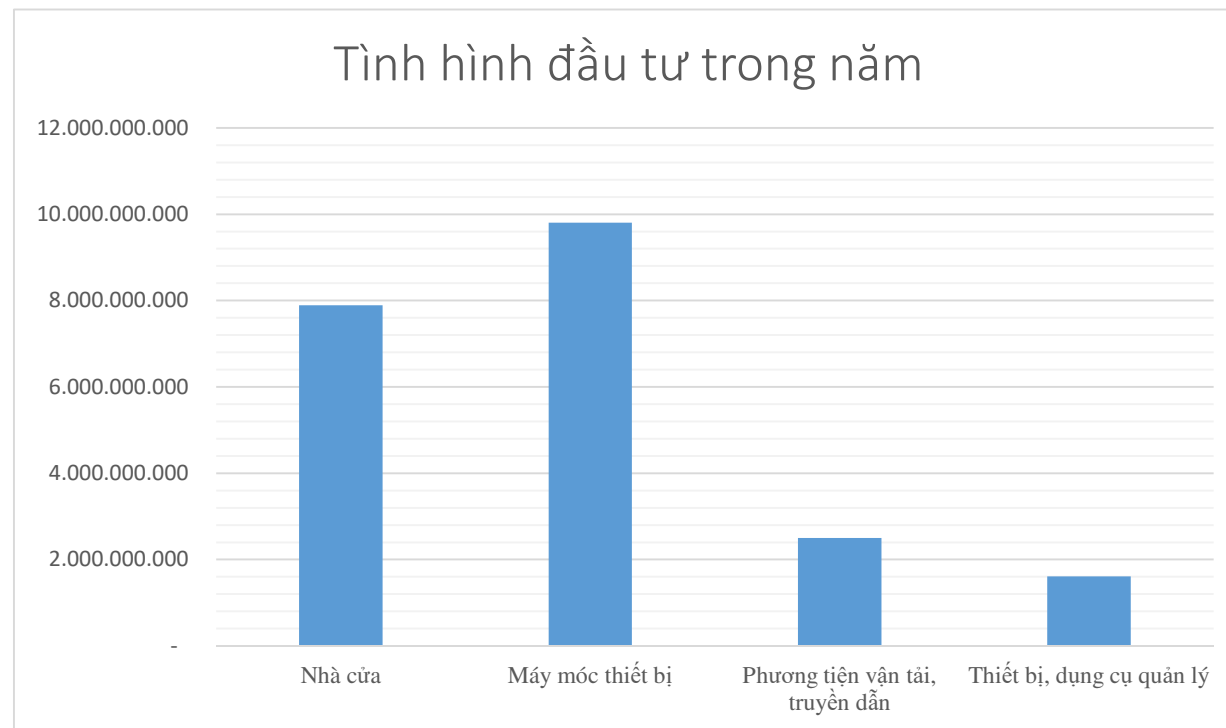






### 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Tổng số vốn đầu tư mua sắm tài sản trong năm: 21,8 tỷ đồng



Trong năm, Công ty mẹ thực hiện góp vốn 4,8 tỷ đồng vào Công ty TNHH Sơn bột VLC. Tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 40% vốn điều lệ, sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 là 51% vốn điều lệ.



### Công ty con, công ty liên kết

#### a. Công ty con



<b>Tên công ty con</b>	Công ty cổ phần sơn Hải Phòng số 2
<b>Mã chứng khoán</b>	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
<b>Loại hình</b>	Công ty cổ phần
<b>Địa chỉ</b>	KCN Tràng Duệ, An Dương, Hải Phòng
<b>Điện thoại</b>	0225.3.929.268
<b>Fax</b>	0225.3.929.269
<b>Email</b>	<a href="mailto:Tin.hp@hpp2.com">Tin.hp@hpp2.com</a>
<b>Website</b>	<a href="http://www.hpp2.com.vn/">http://www.hpp2.com.vn/</a>
<b>Lĩnh vực kinh doanh chính</b>	Sản xuất sơn nước và tĩnh điện
<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>	51% (vốn điều lệ 20,85 tỷ đồng)
<b>Quy mô hoạt động</b>	Công suất sản xuất 6000 tấn/năm sơn bột, sơn trang trí các loại

#### Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần	tỷ đồng	190,67	259,46	36,08
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	10,8	10,14	-6,11
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	10,42	9,14	-14,00



<b>Tên công ty con</b>	Công ty TNHH Nhựa Phoenix
<b>Mã chứng khoán</b>	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
<b>Loại hình</b>	Công ty TNHH một thành viên
<b>Địa chỉ</b>	Tầng 8 tòa nhà SHP PLAZA, số 12 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
<b>Điện thoại</b>	0225.3.929.268
<b>Fax</b>	0225.3.929.269
<b>Lĩnh vực kinh doanh chính</b>	Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, nhựa Poly ester, nhựa Acrylic; Bán buôn hóa chất ngành sơn; Bán buôn sơn công nghiệp, mực in, keo
<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>	100% (vốn điều lệ 6 tỷ đồng)

### Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	163,03	178,48	9,48%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	0,12	0,61	408,33%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,101	0,49	385,15%

<b>Tên công ty con</b>	Công ty TNHH Sơn bột VLC
<b>Mã chứng khoán</b>	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
<b>Loại hình</b>	Công ty TNHH hai thành viên trở lên
<b>Địa chỉ</b>	Số 11 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 3, phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
<b>Điện thoại</b>	0947829248
<b>Lĩnh vực kinh doanh chính</b>	Bán buôn các loại sơn bột
<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>	51% (vốn điều lệ 12 tỷ đồng)

### Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021
Doanh thu thuần	tỷ đồng	21,62
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	-0,41
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-0,41



## b. Công ty liên kết



<b>Tên công ty liên kết</b>	Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng
<b>Mã chứng khoán</b>	Chưa niêm yết/đăng ký giao dịch
<b>Loại hình</b>	Công ty TNHH 2 thành viên
<b>Địa chỉ</b>	Số 21 đường 208 – Xã An Đồng – Huyện An Dương – Tp. Hải Phòng
<b>Lĩnh vực kinh doanh chính</b>	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa không thuộc danh mục không được phân phối theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>	50%

**Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	73,59	143,46	94,94%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	4,19	3,91	-6,68%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3,49	3,08	-11,74%



<b>Tên công ty liên kết</b>	Công ty cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu
<b>Mã chứng khoán</b>	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
<b>Loại hình</b>	Công ty cổ phần
<b>Địa chỉ</b>	Số 12 Lạch Tray, Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
<b>Điện thoại</b>	(0225)3.250.368
<b>Fax</b>	0225.3.250.968
<b>Email</b>	shphaiphong@gmail.com
<b>Lĩnh vực kinh doanh chính</b>	Kinh doanh bất động sản
<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>	41,52%
<b>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</b>	Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu được thành lập ngày 22/09/2009 với chức năng kinh doanh bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng với năng lực tài chính hiện có – Dự án SHP tại số 12 Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng với quy mô 28 tầng nổi và 2 tầng hầm được thiết kế bởi công ty kiến trúc hàng đầu Nhật Bản – Công ty TNHH tư vấn XD FUJINAMI. Dự án là tổ hợp Căn hộ cao cấp, Văn phòng, Trung tâm thương mại và Khách sạn quốc tế 5 sao sẽ tạo điểm nhấn đặc biệt nổi bật và ấn tượng cho thành phố Hải Phòng.

**Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021:**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	83,26	86,38	3,74%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	-14,67	-10,73	
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-9,84	-10,96	



<b>Tên công ty liên kết</b>	Công ty cổ phần tập đoàn VLC
<b>Mã chứng khoán</b>	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
<b>Loại hình</b>	Công ty cổ phần
<b>Địa chỉ</b>	Số 21 đường 208 – An Đồng – An Dương – Hải Phòng
<b>Điện thoại</b>	02253.292019
<b>Fax</b>	02253.571053
<b>Email</b>	support@vlc-group.com
<b>Lĩnh vực kinh doanh chính</b>	Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>	32,94%
<b>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</b>	Tháng 03/2010 tập đoàn VLC chính thức được thành lập bao gồm 08 công ty thành viên, thuộc 04 nhóm sản phẩm chính: Sơn, bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản
<b>Quy mô hoạt động</b>	Quy mô: lĩnh vực sơn 20.000–30.000 tấn/năm, lĩnh vực bột giặt và nước rửa chén 120.000-150000 tấn/năm (công ty TNHH Vico), Tháp bột giặt công suất 50.000-75.000 tấn/năm, các loại chất tẩy rửa dạng lỏng từ 20.000-30.000 tấn /năm(công ty cổ phần VILACO)

### Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	0,71	1,00	40,85%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	0,089	0,042	-52,81%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,089	0,042	-52,81%

<b>Tên công ty liên kết</b>	Công ty cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam
<b>Mã chứng khoán</b>	Chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch
<b>Loại hình</b>	Công ty cổ phần
<b>Địa chỉ</b>	Lầu 10, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
<b>Điện thoại</b>	0282.2205.321
<b>Email</b>	pvpaint@pvpaint.vn
<b>Lĩnh vực kinh doanh chính</b>	Sản xuất và mua bán: các loại sơn (cho các lĩnh vực tàu biển, công trình biển, công nghiệp, công trình giao thông, cầu thép, bột tinh điện, trang trí, xây dựng dân dụng), nguyên liệu, trang thiết bị phục vụ ngành công nghiệp tàu thủy bột giặt và hóa mỹ phẩm, bao bì, bất động sản.
<b>Tỷ lệ nắm giữ</b>	31,21%
<b>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</b>	Công ty cổ phần sơn dầu khí Việt Nam (PV Paint) được thành lập ngày 3 tháng 10 năm 2006 trên cơ sở liên doanh giữa tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng. Nhà máy sản xuất của PV Paint được xây dựng trên diện tích 30.000 m2, công suất 10.000 tấn/năm, khởi công ngày 1/6/2007 và khánh thành ngày 21/01/2008 (Số 11, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương). nLà nhà máy hiện đại bậc nhất Việt Nam tính đến thời điểm này với dây chuyền sản xuất đồng bộ được nhập từ hãng Inoue Nissei (Japan), cùng công nghệ sản xuất sơn tiên tiến, ưu việt, được chuyển giao trực tiếp từ hãng Chukogu Marine Paint (Japan), một trong sáu hãng sơn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sơn tàu biển và công trình biển

### Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2021:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Tăng giảm
Doanh thu thuần	tỷ đồng	111,69	125,06	11,97%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	tỷ đồng	4,38	2,73	-37,67%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	3,32	2,43	-26,80%



## 4. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	% năm 2021/2020
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	749,738	928,957	123,9
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	388,430	411,484	105,9
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	699,848	762,513	108,9
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	103,859	69,881	67,28
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	104,043	70,373	67,63
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	99,132	67,186	67,77
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/lợi nhuận sau thuế	%	24,09	35,5	147

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ năm 2021)

Các chỉ tiêu tài chính đã cho thấy phần nào sự khó khăn mà Công ty gặp phải trong năm 2021. Trong đó mặc dù tổng tài sản tăng mạnh tới 24%, từ khoảng 750 tỷ lên đến hơn 928 tỷ khi mà cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều ghi nhận mức tăng so với năm 2020 và doanh thu thuần tăng khoảng 9% lên mức 762,5 tỷ, nhưng do các chi phí cấu thành nên giá vốn hàng bán tăng mạnh cùng với đà tăng mạnh trên toàn cầu của hầu hết các loại hàng hóa dẫn tới lợi nhuận thuần sụt giảm mạnh. Đây là khó khăn đã được dự báo từ trước bởi Ban điều hành vì những yếu tố khách quan bất lợi của môi trường kinh doanh vĩ mô là rất rõ ràng. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức tăng do công ty vẫn giữ mức cổ tức là 30%, nhưng lợi nhuận sau thuế lại nhỏ hơn so với năm 2020.



### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	1,25	1,21
Hệ số thanh toán nhanh ((=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,92	0,86
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,482	0,557
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	0,930	1,258
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Vòng/kỳ	4,29	4,2
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng/kỳ	0,99	0,821
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	14,16	8,81
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp chủ sở hữu	%	104,10	83,91
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản	%	12,57	7,23

Qua một số chỉ tiêu tài chính Công ty có thể thấy:

Năm vừa qua trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức, cước vận tải tăng cao, giá nguyên vật liệu tăng cao đột biến, dịch bệnh trên toàn cầu kéo dài, dẫn đến sức mua giảm sâu.

Tuy nhiên công ty đã sử dụng vòng quay vốn có hiệu quả, tiết kiệm tối đa các chi phí trong SXKD, nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm mới, mở rộng khách hàng để đem lại lợi nhuận và bảo toàn vốn cho Công ty.



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

### a. Cổ phần

Tính đến thời điểm 31/12/2021:

Số cổ phần phổ thông: 8.007.177 cổ phiếu

Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.007.177 cổ phiếu

Số cổ phần đang lưu hành: 7.760.436 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: 46.741 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VNĐ



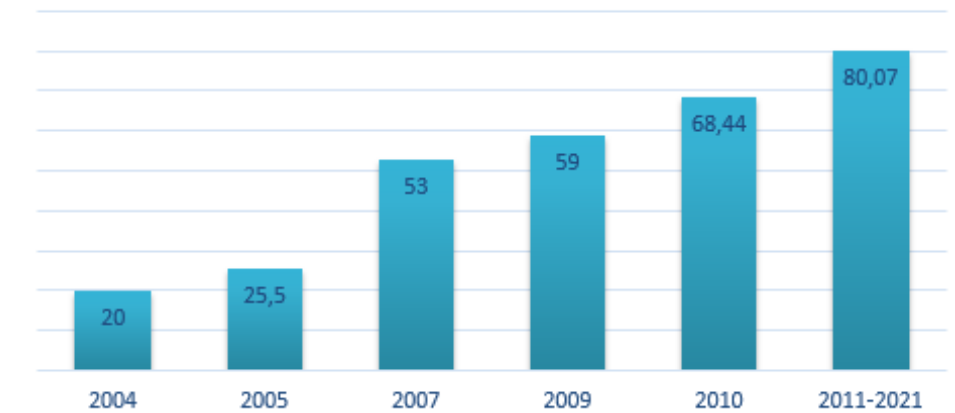
### b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu	Số lượng	Tỷ lệ
cổ đông lớn	2.292.766	28,63%
cổ đông nhỏ	5.714.411	71,37%
Tổng	8.007.177	100%
<b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân</b>		
cổ đông cá nhân	6.443.804	80,48%
cổ đông tổ chức	1.563.373	19,52%
Tổng	8.007.177	100%
<b>Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài</b>		
cổ đông trong nước	6.749.541	84,29%
cổ đông nước ngoài	1.257.636	15,71%
Tổng	8.007.177	100%



### c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu  
ĐVT: tỷ đồng



Ngày 5/8/2010, Công ty chính thức giao dịch 5.900.000 cổ phiếu trên sàn chứng khoán Upcom, sau đó ngày 26/11/2010 giao dịch bổ sung 943.916 cổ phiếu. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm đó là 68.439.160.000 đồng.

Ngày 19/5/2011, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 17% , nâng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên thành 80.071.770.000 đồng.

### d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 46.471 cổ phiếu

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có

### e. Chứng khoán khác: không có.



## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình hoạt động, quản lý việc sử dụng nguyên vật liệu được ban lãnh đạo Công ty đánh giá là một công tác hết sức cần thiết, vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế, vừa đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí, chống thất thoát và bảo vệ môi trường.

Chi phí nguyên vật liệu sản xuất theo đúng định mức Công ty ban hành: thường xuyên thực hiện theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu động lực



trong sản xuất từng loại sản phẩm, nghiên cứu điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để tiết kiệm

chi phí sản xuất. Đầu tư, nghiên cứu kết hợp với tham khảo một số đơn vị bạn thực hiện tiết kiệm định mức nguyên liệu bằng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

Số lượng tiêu hao nguyên vật liệu trong năm 2021 cụ thể như sau:

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn)	Trị giá (triệu đồng)
1	Dung môi	3.231	52.665
2	Nhựa	6.167	252.415
3	Bột	3.175	106.331
4	Phụ gia, nguyên liệu khác	2.519	

### Tiêu thụ năng lượng, nước

Công ty đánh giá việc tiết kiệm năng lượng là một trong những tiêu chí hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững.

Thực hiện tốt chính sách sử dụng năng lượng tiết kiệm, vận động và tuyên truyền nội bộ tuân thủ nghiêm các quy định, quy trình về sử dụng năng lượng tiết kiệm là đang góp phần phát triển kinh tế của Công ty cũng như của toàn xã hội.



Số liệu tiêu thụ năng lượng, nước của công ty trong năm 2020 như sau:

STT	Loại	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng
1	Điện	Kw	2.691.989
2	Xăng	Lít	0
3	Dầu DO	Lít	365.955
4	Nước	M <sup>3</sup>	9721

### Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường



Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, thực hiện pháp luật của Công ty nghiêm túc. Hệ thống quản lý chất lượng – môi trường thực hiện đúng tiêu chuẩn phiên bản năm 2015. Các cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt và công tác báo cáo môi trường theo định kỳ được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng hạn.

### Chính sách liên quan đến người lao động

#### Số lượng lao động

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng Số lượng lao động</b>	189	190	190
<b>Phân loại theo trình độ</b>			
đại học và trên đại học	105	104	54,74
cao đẳng, trung cấp	33	34	17,89
sơ cấp và công nhân kỹ thuật		19	10,00
lao động phổ thông	51	33	17,37
<b>Theo giới tính</b>			
Nam	143	144	75,79
Nữ	46	46	24,21
<b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>			
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	5	4	2,11
Hợp đồng 1-3 năm	15	12	6,32
Hợp đồng không xác định thời hạn	169	174	91,58
<b>Theo độ tuổi</b>			
18-25	4	8	4,21
26-35	50	57	30,00
36-45	71	66	34,74
>45	64	59	31,05





Mức lương trung bình qua các năm:

Năm	2019	2020	2021
Thu nhập bình quân (triệu/người/tháng)	16.120.000	22.700.000	19.762.000

Phúc lợi khác trong năm:

Nội dung	Số tiền
Tết Dương lịch	191.000.000
Tết Nguyên đán	948.041.667
Thưởng hoàn thành nhiệm vụ	563.750.000
30/4 và 1/5	193.000.000
Giỗ tổ Hùng Vương	96.800.000
Nghỉ mát 2021	567.625.000
Tiêu chuẩn 1/6	37.600.000
HS giỏi tiên tiến	71.800.000
Tiêu chuẩn 2/9	190.000.000
Tiêu chuẩn trung thu	57.000.000
Tiêu chuẩn 20/10	9.200.000
4 tháng lương thưởng	8.951.995.367



Công tác đào tạo nhằm nâng cao tay nghề, trình độ quản lý, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được ban lãnh

đạo Công ty tổ chức thường xuyên để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, ý tế, tai nạn, chế độ phúc lợi, chế độ thai sản, tặng quà sinh nhật, tặng quà ngày Lễ, Tết, quốc khánh, tặng quà sinh nhật và bảo hiểm kết hợp về con người.... cho người lao động theo đúng

Luật Lao Động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Sự quan tâm và hỗ trợ người lao động luôn được cân nhắc tại Công ty. Công ty không ngừng quan tâm, nâng



cao đời sống sinh hoạt lành mạnh và sức khỏe cho CB – CNV bằng cách tạo điều kiện cơ sở vật

chất cho họ tham gia các hoạt động thể dục thể thao, khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ mát, phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong toàn Công ty, xây dựng sân bóng chuyền, Cầu lông, bóng bàn, bóng đá mi-ni, tổ chức học ngoại ngữ mời giáo viên người nước ngoài, học dancing. Thực hiện phong trào vệ sinh xanh sạch đẹp, xây dựng một nét văn hóa riêng cho Công ty Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng.



Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Ngoài nhiệm vụ ổn định sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty luôn xác định trách nhiệm phải đóng góp một phần sức lực cũng như tài chính cho công tác an sinh – xã hội tại địa phương, góp phần phát triển cộng đồng. Trong năm vừa qua, công ty đã có những đóng góp hết sức thiết thực và ý nghĩa cho cộng đồng thông qua một số chương trình, chính sách hỗ trợ người dân địa phương như: nhận trợ dưỡng cho 2 Mẹ VN anh hùng và 10 cụ già cô đơn ở huyện An Dương và quận Ngô Quyền, ủng hộ quỹ mái ấm công đoàn và ngày vì người nghèo...





## **IV. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tình hình tài chính**
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**





## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### Đánh giá chung:

Từ quý II năm 2021, Công ty chịu ảnh hưởng lớn do giá nguyên liệu tăng đột biến. Các nguyên liệu chính dùng cho sản xuất tăng rất mạnh, cá biệt có loại tăng đến hơn 200%. Đây là điều chưa từng xảy

ra từ trước đến nay. Giá nguyên liệu tăng vọt làm giá vốn tăng cao đồng thời sản lượng tiêu thụ sụt giảm.

### Biện pháp khắc phục

Ban điều hành Công ty đã phải thực hiện một loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí như: sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm hợp lý tránh lãng phí, bố trí sản xuất sao cho vừa nâng cao năng suất, vừa tiết kiệm nhân lực, tránh không phải sản xuất vào các ngày thứ bảy và chủ nhật.

Chiến lược về phát triển các sản phẩm mới nhằm phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng cùng với các biện pháp nhằm khuyến khích, mở rộng thị trường đã đi đúng hướng, giúp Công ty đạt được mục tiêu về doanh thu.

### Các thành tích đạt được trong năm 2021

- TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021 .
- Công ty luôn thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và nghiêm túc tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật.
- Duy trì và vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng - môi trường.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao vừa đảm bảo sức khỏe cho người lao động, vừa tạo lập nền tảng văn hóa doanh nghiệp, tạo được sự gắn bó mật thiết giữa CBCNV và Công ty.

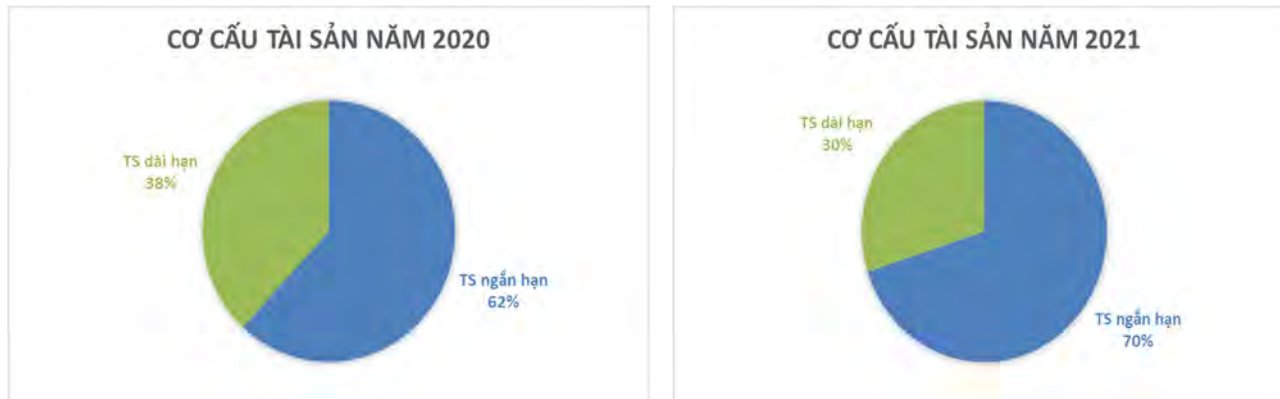
## 2. Phân tích khó khăn – thuận lợi

Khó khăn	Thuận lợi
<ul style="list-style-type: none"> <li>● Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua.</li> <li>● Giá dầu thô trên thế giới biến động thất thường, Giá sắt thép tăng cao, hoạt động logistics bị ngưng trệ, hàng loạt giá nguyên liệu tăng cao chưa từng thấy, giá thành sản phẩm bị đội lên cao khiến giá vốn hàng hóa phi mã, lợi nhuận sụt giảm.</li> <li>● Tàu đóng mới gần như không có, đa phần chỉ có một số tàu tải trọng nhỏ, tàu sửa chữa, bảo dưỡng.</li> <li>● Hệ thống Đại lý bán lẻ sụt giảm doanh thu nhiều do dịch bệnh Covid-19 .</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>● Công ty đã có chiến lược kinh doanh, chiến lược sản phẩm đúng, thu hút thêm được nhiều khách hàng, đặc biệt các khách hàng Tập đoàn tư nhân lớn: ký được biên bản ghi nhớ về việc sẽ cung cấp sơn container cho Tập đoàn Hòa Phát, ký hợp đồng với Tập đoàn Hoa Sen về việc đưa các sản phẩm của Sơn Hải Phòng vào Hệ thống phân phối, bán hàng trên cả nước của Hoa Sen.</li> <li>● Các sản phẩm mới như sơn Economy và sơn trên bề mặt thép mạ kẽm đã dần khẳng định được chất lượng, doanh thu tăng qua các tháng và nhận được phản hồi rất tốt từ phía khách hàng.</li> <li>● Dây chuyền nhựa Alkyd được đầu tư thêm thiết bị, hệ thống khách hàng được mở rộng, doanh thu tăng cao trong những tháng cuối năm.</li> </ul>



### 3. Tình hình tài chính

Chỉ số	Đơn vị tính	31/12/2020	31/12/2021	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	537,62	769,55	43,14%
Tài sản dài hạn	tỷ đồng	332,48	332,83	0,10%
Tổng cộng	tỷ đồng	870,10	1102,38	26,69%



Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn, chiếm khoảng 70% tổng tài sản của năm 2021, còn lại là tài sản dài hạn. Tại thời điểm 31/12/2021, tài sản ngắn hạn của công ty là 769,55 tỷ đồng, tăng mạnh là 43,14% so với năm 2020, trong đó tăng chủ yếu ở hàng tồn kho, các khoản phải thu, và các khoản đầu tư tài chính. Về cơ cấu thì hai khoản phải thu và hàng tồn kho vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn hạn của công ty, lần lượt ở mức 41,61% và 32,37%.

Tài sản dài hạn của Công ty gần như không có gì biến động so với năm 2021. Tổng tài sản dài hạn năm tại 31/12/2021 là 332,83 tỷ đồng. Các khoản mục tài sản dài hạn vẫn giữ nguyên cơ cấu như năm 2020.

Quy mô tài sản tăng lên tương ứng với số dư các khoản nợ phải trả lớn hơn. Tổng nợ phải trả cuối năm 2021 là 657 tỷ, tăng 208 tỷ so với năm 2020.

### 4. Các giải pháp đã được thực hiện

Đứng trước khó khăn do sự bất ổn mang tính vĩ mô của môi trường kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty đã quyết liệt thực hiện một loạt các giải pháp đồng bộ, quyết liệt và đã cán đích được mục tiêu doanh thu, cụ thể bao gồm:

- Thị trường sơn tàu biển: chủ động tiếp cận các tàu tư nhân cỡ nhỏ, tư vấn sử dụng sản phẩm sơn phù hợp để giành lại thị phần, mở hướng tiếp cận cung cấp sơn cho các tàu du lịch. Tiếp tục phục vụ tốt cho các khách hàng truyền thống.
- Thị trường sơn dân dụng và Đại lý: đã ký được thỏa thuận với Tập đoàn Hoa Sen về việc đưa sản phẩm sơn vào tiêu thụ tại hệ thống Hoa Sen Home. Đây là một hệ thống siêu thị chuyên về hàng vật liệu xây dựng của Tập đoàn Hòa Phát, trải dài trên khắp đất nước. Mở ra cơ hội mới về tiêu thụ sản phẩm sơn dân dụng. Trước mắt sẽ tiến hành đưa sản phẩm sơn vào 223 điểm của Hoa Sen Home trải dài từ Đà Nẵng đến Móng Cái. Nếu khả năng tiêu thụ tốt sẽ tiếp tục phát triển vào khu vực phía Nam
- Hệ thống đại lý: chú trọng phát triển các đại lý bán sơn công nghiệp bên cạnh các đại lý bán sơn dân dụng, đã mở thêm 10 đại lý mới.
- Thị trường sơn công nghiệp: Các sản phẩm thép mạ kẽm nhanh khô đã dần đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường. Sự gia tăng về doanh số bán hàng đã khẳng định chất lượng và uy tín của sản phẩm; đang khẩn trương triển khai các công việc để xúc tiến chuẩn bị việc sản xuất sơn container phục vụ cho thỏa thuận hợp tác giữa Sơn Hải Phòng và các tập đoàn tư nhân lớn: Dự kiến cung cấp 15.000 tấn/1 năm sơn container cho việc sản xuất mới container phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và được các tổ chức đăng kiểm quốc tế kiểm định.
- Thị trường nhựa ALKYD: hệ thống bán hàng đã được mở rộng, nhiều yêu cầu của khách hàng về các dòng sản phẩm mới được đáp ứng. Trong năm 2021, sản lượng tiêu thụ tăng 112% và doanh thu tăng 108,8% so với năm 2020; cho ra đời dòng sản phẩm mới là nhựa Acrylic cho sơn trên bề mặt kẽm; sản xuất thêm các chủng loại mới theo đơn đặt hàng hàng của Samhwa; chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu giá thành hợp lý để tăng khả năng cạnh tranh.



### 5. Mục tiêu

**Ban điều hành quyết tâm đặt kế hoạch DOANH THU 1.000 TỶ, cụ thể như sau:**

- Đưa Sơn Hải Phòng trở thành thương hiệu quốc gia, sánh vai cùng các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn của đất nước.
- Giữ vững danh hiệu là Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu của Công ty.
- Đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.



**Dự kiến các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ %/2021
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	909	118
2	Sản lượng sơn và nhựa Alkyd tiêu thụ	Tấn	14.000	116
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	100
4	Tỷ lệ cổ tức	%	30	100
5	Lao động bình quân	Người	195	100
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	24	100

### 6. Giải pháp và biện pháp thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Sản xuất kinh doanh sơn và nhựa

✚ Đối với sơn dân dụng:

- Tập trung toàn lực để cấp sơn được cho hệ thống Hoa Sen Home tại Đà Nẵng trở ra Bắc trong đầu năm 2022.
- Hoàn thiện kế hoạch và tập trung xây dựng hệ thống sơn dân dụng và công nghiệp trên khắp cả nước. Lấy sơn thi công mạ kẽm và sơn Economy đi vào thị trường. Phát triển hệ thống sơn chống hà cho tàu ghe tại Khu vực Hà vào Miền Nam và đưa hệ thống sơn màu Economy đi công.
- Củng cố thị trường sơn tàu biển tại Đà Nẵng ra ngoài Bắc.
- Số lượng nhà phân phối và đại lý mở thêm: 20 đơn vị.

✚ Về sơn tàu biển và công nghiệp:

- Về các dự án đóng mới: Tập trung các dự án đóng mới tàu biển, tàu chở cát và Sà lan cỡ lớn phục vụ các dự án điện gió, các dự án tổ hợp của Vingroup...
- Về sơn tàu biển sửa chữa và bảo quản, bảo dưỡng: Tiếp tục chăm sóc và duy trì các khách hàng truyền thống, phát triển mở rộng khách hàng đang sử dụng sơn của hãng sơn khác như Jotun, Sigma...
- Sơn kết cấu và sơn chống cháy: Tập trung phát triển sơn kết cấu thép phục vụ các khu công nghiệp, các dự án phục vụ các tập đoàn lớn như Hòa Phát, Vingroup,....
- Tiếp tục ký được hợp đồng với các dự án nhiệt điện, thủy điện, các dự án điện gió.

✚ Về sản xuất kinh doanh nhựa, hóa chất

- Ổn định và nâng cao chất lượng của sản phẩm hiện có.
- Xúc tiến đưa sản phẩm nhựa Acrylic trên sơn kẽm vào thị trường.
- Tiếp nhận chuyển giao nhựa polyester, nhựa acrylic cho sơn container.

Đối với sản xuất:

- Hoàn thiện nâng cấp phần mềm ERP để chuyển đổi công nghệ số hóa từ sản xuất đến quản lý kho tàng. Tất cả các dòng sản phẩm, nguyên liệu được quản lý và truy xuất nguồn gốc bằng QR code.
- Đầu tư thêm kho lạnh, hệ thống gia nhiệt, bồn bể... đáp ứng tốc độ sản xuất.
- Tiết kiệm chi phí sản xuất, giữ vững chất lượng sản phẩm.

Đối với trung tâm kỹ thuật:

- Tiếp tục bổ sung các trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển.
- Đào tạo đội ngũ kỹ sư có trình độ nắm bắt chắc công nghệ sản xuất sơn và nhựa.

Đầu tư năm 2022: Tổng đầu tư dự kiến 150 tỷ đồng

- Một trong những mục tiêu quan trọng trong hạng mục đầu tư của năm nay là chuẩn bị quỹ đất cho việc xây dựng nhà máy mới, công suất từ 15.000 đến 20.000 tấn/năm. Đến nay, Ban điều hành đã đàm phán xong về giá cả và vị trí của thửa đất tại khu công nghiệp Nam Đình Vũ.

Nhân sự, đào tạo:

- Năm 2022 dự kiến tuyển dụng từ 5 - 7 lao động, ưu tiên nhân sự có trình độ, kinh nghiệm cho phát triển thị trường, Trung tâm kỹ thuật và phân xưởng sơn.
- Tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động.
- Duy trì tốt chế độ, chính sách đối với người lao động, tạo dựng bản sắc văn hóa doanh nghiệp riêng có của Sơn Hải Phòng.



## V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

### Đánh giá chung

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn do đại dịch Covid-19 với các biến chủng mới hoành hành trên khắp thế giới. Đặc biệt tại Việt Nam với đợt dịch bùng phát thứ tư vào quý 2 và quý 3 năm 2021 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống của người lao động.



Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, xây dựng và duy trì vận hành liên tục hệ thống hệ thống xả thải thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đối với cộng đồng, Công ty đã thể hiện trách nhiệm và ý thức xã hội thông qua các hoạt động vì cộng đồng như: Trợ dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng; Trợ dưỡng người tàn tật cô đơn; Ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi bão lụt; Ủng hộ bệnh viện Việt Tiệp và Cụm dân cư đường 208 chống dịch bệnh; Tặng quà con người lao động đạt học sinh giỏi, tiên tiến và nhiều hoạt động từ thiện khác.

Công ty luôn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, ý tế, tai nạn, chế độ phúc lợi, chế độ thai sản, tặng quà sinh nhật, tặng quà ngày Lễ, Tết, quốc

khánh, tặng quà sinh nhật và bảo hiểm kết hợp về con người...cho người lao động theo đúng Luật Lao Động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Sự quan tâm và hỗ trợ người lao động luôn được cân nhắc tại Công ty. Công ty không ngừng quan tâm, nâng cao đời sống sinh hoạt lành mạnh và sức khỏe cho cán bộ công nhân viên.

### Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra

Công ty đã thực hiện tốt:

- Giữ vững thương hiệu Sơn Hải phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm thế giới.
- Công ty tiếp tục là Doanh nghiệp khoa học công nghệ với tỷ lệ sản phẩm khoa học công nghệ đạt trên 70% tổng doanh thu của Công ty.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông và thu nhập cho người lao động.



### Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.
- Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 theo đúng thời hạn.
- Thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm 2021 theo kế hoạch.





## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

### Hoạt động quản trị thường kỳ

Hội đồng Quản trị họp thường kỳ hàng quý nghe báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động của công ty, phân tích đánh giá những mặt được và chưa được, đề ra phương án hành động cho quý tiếp theo nhằm ứng phó với những biến động của nền kinh tế.

Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Ban điều hành đã cam kết.



Căn cứ báo cáo của Tổng giám đốc về thực hiện kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị để phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo;

Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

### Hoạt động xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh

- Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh các quý năm 2021.
- Thúc đẩy việc triển khai các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn.
- Tổ chức đánh giá các đề án khả thi, dự án đầu tư của công ty.



### Phương hướng hoạt động của hội đồng quản trị năm 2022



➤ Xây dựng Thương hiệu Sơn Hải Phòng nổi tiếng trong nước và vươn tầm quốc tế, xây Công ty vững mạnh, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

➤ Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

➤ Thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021.

➤ Đảm bảo giám sát hoạt động của Ban điều hành nhằm mục tiêu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.



# PHẦN VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT  
BKS và BDH



## 1. Hội đồng quản trị

### a. Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2021
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	615.142	7,68%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc	330.537	4,13%
3	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	236.483	2,95%
4	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	41.909	0,52%
5	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	126.219	1,58%

### b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 cuộc họp trực tiếp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Pháp luật, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự cuộc họp để tham khảo, nghiên cứu theo đúng quy định của Điều lệ.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch	5	100%
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc	5	100%
3	Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên	5	100%
4	Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên kiêm Kế toán Trưởng	5	100%
5	Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên kiêm Phó tổng giám đốc	5	100%

### c. Các nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2021:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số:01/NQ- HĐQT	02/03/2021	Nghị quyết về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng.
2	Số 02/NQ- HĐQT	12/05/2021	Thông qua thời gian chi trả cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền
3	Số 217/QĐ-HĐQT	31/05/2021	Bổ nhiệm thư ký Công ty
4	Số 03/NQ-HĐQT	21/10/2021	Thông qua phương án trả tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền

## 2. Ban kiểm soát

### a. Thành viên ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 31/12/2021
1	Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	10.838	0,14%
2	Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	19.543	0,24%
3	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	40.494	0,51%

### b. Hoạt động của ban kiểm soát

Số lượng các cuộc họp nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Trong năm qua các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp kiểm soát	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lã Quỳnh Chi	Trưởng ban kiểm soát	04	100%
2	Hoàng Thị Thu	Thành viên Ban KS	04	100%
3	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên Ban KS	04	100%



Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã có những đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành.
- Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc và Ban kiểm soát

#### a. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

*Thù lao thành viên Hội đồng quản trị:*

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2021 (VND)
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	459.074.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	734.521.000
Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT	275.444.000
Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT	275.444.000
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	275.444.000

*Thù lao thành viên ban kiểm soát:*

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm 2021 (VND)
Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	183.629.500
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	91.814.500
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	91.814.500

*Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác:*

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2021 (VND)
Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	14.500.000
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên HĐQT	11.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc	1.888.341.382
Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng giám đốc	1.030.091.091
Bà Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	1.040.181.865
Bà Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	11.000.000
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	660.869.082
Bà Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	255.771.802

#### b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Việt Anh	Con thành viên Ban kiểm soát	4.660	0,058	0	0	bán

### c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có

### d. Đánh giá về việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, quan hệ nhà đầu tư, chiến lược kinh doanh ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Hội đồng Quản trị duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị với sự tham gia của Ban Tổng Giám Đốc.
- Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý. Các thành viên Hội đồng Quản trị cũng đã duy trì tốt mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của Công ty và Người lao động.



## **VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2021**

**1. Bảng cân đối kế toán**

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**3. Bảng lưu chuyển tiền tệ**

**4. Thuyết minh báo cáo tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/4/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200057558 ngày 26/4/2018 là: 80.071.770.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAIPHONGPAINT.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Trung Dũng	Thành viên
Bà Bùi Kim Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Mộng Lân	Thành viên không điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Lê Quỳnh Chi	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Trám	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG**

Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)****KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2022



Số: 160/2022/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
Giám đốc Kiểm toán  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

**Vũ Xuân Hùng**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 21/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>769.557.007.558</b>	<b>537.623.789.782</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>21.194.010.210</b>	<b>13.202.462.637</b>
1. Tiền	111		21.194.010.210	11.602.462.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.600.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>175.738.313.750</b>	<b>97.150.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	175.738.313.750	97.150.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>320.311.191.498</b>	<b>266.611.985.947</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	262.914.336.712	238.124.969.997
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.487.036.705	9.730.177.752
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9.606.784.875	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	37.165.628.288	21.734.947.151
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(3.862.595.082)	(2.978.108.953)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>249.470.326.624</b>	<b>159.192.151.498</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	251.587.135.494	161.638.143.274
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.116.808.870)	(2.445.991.776)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.843.165.476</b>	<b>1.467.189.700</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.025.971.520	669.451.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.797.679.964	785.674.069
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	19.513.992	12.064.205
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>332.832.104.936</b>	<b>332.477.265.406</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>119.134.362.179</b>	<b>116.195.732.920</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	116.878.802.509	112.696.860.965
- Nguyên giá	222		276.722.553.470	255.905.134.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.843.750.961)	(143.208.273.342)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	2.255.559.670	3.498.871.955
- Nguyên giá	228		8.063.781.469	7.822.790.066
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.808.221.799)	(4.323.918.111)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>472.383.513</b>	<b>4.867.412.255</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	472.383.513	4.867.412.255
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>212.551.514.244</b>	<b>210.760.720.231</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		158.225.790.657	161.234.996.644
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.060.883.587	51.060.883.587
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.735.160.000)	(7.735.160.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	11.000.000.000	6.200.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>673.845.000</b>	<b>653.400.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	673.845.000	653.400.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.102.389.112.494</b>	<b>870.101.055.188</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>657.009.213.105</b>	<b>449.602.</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>615.596.257.757</b>	<b>428.529.785.859</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	180.556.629.847	67.556.336.141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.157.874.406	3.951.190.814
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.972.565.560	4.392.080.600
4. Phải trả người lao động	314		6.298.243.344	6.095.325.595
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.394.118.321	4.429.389.561
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	16.635.827.768	15.386.526.507
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	406.598.424.501	336.516.374.751
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(7.017.425.990)	(9.797.438.110)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41.412.955.348</b>	<b>21.072.976.414</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	41.412.955.348	21.072.976.414
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>445.379.899.389</b>	<b>420.498.292.915</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>445.379.899.389</b>	<b>420.498.292.915</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.071.770.000	80.071.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.071.770.000	80.071.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.787.152.766	10.787.152.766
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.250.586.886	7.250.586.886
4. Cổ phiếu quỹ	415		(467.410.000)	(467.410.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		252.418.906.471	194.949.137.368
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.744.523.927	109.014.611.180
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.637.331.021	10.759.269.228
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66.107.192.906	98.255.341.952
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.574.369.339	18.892.444.715
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.102.389.112.494</b>	<b>870.101.055.188</b>

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.031.209.456.705	854.834.611.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.014.391.645	622.270.897
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	1.030.195.065.060	854.212.340.194
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	855.902.883.929	628.401.140.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		174.292.181.131	225.811.199.881
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.440.192.928	13.794.978.202
7. Chi phí tài chính	22	6.4	24.510.875.544	29.116.651.596
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.286.971.975	22.427.072.149
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(2.225.744.243)	(1.257.120.705)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	64.258.350.589	71.229.224.378
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	24.702.123.813	27.588.506.721
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)+24-(25+26))	30		75.035.279.870	110.414.674.683
12. Thu nhập khác	31	6.6	770.549.718	1.286.057.465
13. Chi phí khác	32	6.6	278.708.524	1.101.584.338
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.6	491.841.194	184.473.127
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		75.527.121.064	110.599.147.810
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	4.299.503.039	5.303.266.736
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		71.227.618.025	105.295.881.074
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		66.890.654.650	100.187.611.426
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.336.963.375	5.108.269.648
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	8.403	10.042

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Dung

Bùi Kim Ngọc

Nguyễn Văn Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.527.121.064	110.599.147.810
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		19.110.961.299	18.249.283.568
- Các khoản dự phòng	03		555.303.223	7.385.277.656
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(72.338.999)	(4.659.702)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.727.691.475)	(12.292.220.958)
- Chi phí lãi vay	06		22.286.971.975	22.427.072.149
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		103.680.327.087	146.363.900.523
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(36.464.087.718)	(76.757.092.520)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(89.948.992.220)	(15.816.860.804)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		114.567.082.441	(4.599.124.944)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(376.965.094)	6.281.007.677
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.357.171.975)	(22.555.872.149)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.645.800.027)	(3.520.554.211)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(18.319.049.687)	(20.546.189.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.135.342.807	8.849.213.967
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.654.561.816)	(12.946.471.685)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	473.210.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(119.585.098.625)	(53.390.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.590.000.000	26.590.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(28.400.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	550.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.838.980.949	5.078.620.138
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(104.810.679.492)	(62.044.641.547)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		959.217.393.454	842.550.546.224
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(868.795.364.770)	(789.465.423.547)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.827.483.425)	(26.731.388.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		66.594.545.259	26.353.734.127
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.919.208.574	(26.841.693.453)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.202.462.637	40.039.496.388
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		72.338.999	4.659.702
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	21.194.010.210	13.202.462.637

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Dung

Bùi Kim Ngọc

Nguyễn Văn Dũng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 3419/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về chuyển đổi Công ty Sơn Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000681 (Mã số mới 02000575580) ngày 02/01/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thay đổi đăng ký các lần; đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/04/2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 02000575580 ngày 26/4/2018 là: 80.071.770.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã HPP.

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG.**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HAIPHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HAIPHONGPAINT

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2021 là 287 người (Tại ngày 31/12/2020 là 274 người).

**1.2. Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng nông nghiệp);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Sản xuất Sơn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container, xe bồn, xe téc;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (bao gồm cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ quầy bar);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Chi tiết: Khách sạn;
- Dại lý du lịch;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**1.2. Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ Xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ sản xuất sơn, véc ni, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ phát triển, bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp, nhãn hiệu sản phẩm;
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn thực phẩm;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quầy bar);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất sơn các loại.

**1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có Công ty con và Công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng 2	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn	51%	51%	51%
Công ty TNHH Nhựa Phoenix	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sơn bột VLC (Tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 40%, tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Sơn Hải phòng số 2 là 51% vốn điều lệ.	Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh Sơn các loại	40%	91%	66,01%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sơn	31,21%	31,21%	31,21%
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn	56,28%	32,94%	56,28%
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn	41,52%	41,52%	41,52%
Công ty TNHH sơn Samhwa Hải Phòng	Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sơn	50%	50%	50%

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203003498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/9/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 04 tháng 07 năm 2014. Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng sở hữu 51% vốn điều lệ.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Haiphong Paint Joint Stock Company No.2.

Vốn điều lệ : 20.850.950.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghệ Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sơn, véc ni và các hóa chất sơn, quét tương tự, ma tít; mực in...

Công ty TNHH Nhựa Phoenix được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0201880643 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/6/2018.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Phoenix Resin Limited Company.

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn các loại nhựa nguyên sinh, hạt nhựa màu, nhựa Alkyd, bán buôn hóa chất, bán buôn sơn công nghiệp.....

Công ty TNHH Sơn bột VLC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 3702966840 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01/4/2021.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VLC POWDER COATING COMPANY LIMITED.

Vốn điều lệ : 12.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn các loại sơn bột.....

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng, Công ty con của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng là Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2, Công ty TNHH Nhựa Phoenix và Công ty TNHH Sơn Bột VLC.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

###### Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

###### Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP công ty mở tại ngày 31/12/2021.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP công ty mở tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

###### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

###### Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư khác:* Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

##### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm tin học và tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian 6 năm.

##### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

##### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

##### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: Trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

##### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá là sơn các loại.

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:**

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: Theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ:** Công ty được cấp Giấy chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 06/DNKHCN ngày 18/9/2015. Do vậy, Công ty hưởng chính sách ưu đãi thuế TNDN như sau: Hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian mười lăm năm (15) năm và được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo với nguyên tắc quy định Luật thuế TNDN và Công văn số 2173/CT-TT&HT ngày 21/9/2016 của Cục thuế Hải Phòng về việc giải đáp chính sách thuế. Năm 2021 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con - Công ty Cổ phần Sơn Hải phòng 2:**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000017 do Ban Quản lý Các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp ngày 19/6/2008, Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án Nhà máy Sơn tinh điện và Sơn nước như sau: Miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến hết năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 (bảy) năm tiếp theo (từ năm 2012 đến hết năm 2020). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trong vòng 12 năm kể từ khi có dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2020 là năm thứ 10 (mười) Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Công văn số 1375/TCT-CS ngày 14/4/2015 của Tổng cục thuế hướng dẫn về ưu đãi thuế TNDN đối với các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp Trảng Dũ. Công ty hưởng ưu đãi thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10%, miễn 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo cho thời gian còn lại từ kỳ tính thuế năm 2015. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 15% từ năm 2008 đến 2014 và 10% từ năm 2015 đến năm 2022; thời gian miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo từ năm 2012 đến năm 2020.

Năm 2021 Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

##### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh Sơn các loại và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam theo đó không lập Báo cáo bộ phận.

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.078.963.301	3.246.064.068
Tiền gửi ngân hàng	18.115.046.909	8.356.398.569
Các khoản tương đương tiền	-	1.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	1.600.000.000
<b>Tổng</b>	<b>21.194.010.210</b>	<b>13.202.462.637</b>

##### 5.2 Các khoản đầu tư tài chính

###### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>175.738.313.750</b>	<b>175.738.313.750</b>	<b>97.150.000.000</b>	<b>97.150.000.000</b>
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	175.738.313.750	175.738.313.750	97.150.000.000	97.150.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>6.200.000.000</b>	<b>6.200.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	200.000.000	200.000.000
- Trái phiếu (*)	11.000.000.000	11.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>186.738.313.750</b>	<b>186.738.313.750</b>	<b>103.350.000.000</b>	<b>103.350.000.000</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

#### 5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

(\*) (1): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 đáo hạn năm 2030 (Mã số: CTG2030T2/01-542): Số lượng: 50.000 trái phiếu tại ngày 30/7/2020, mệnh giá trái phiếu: 100.000VND/Trái Phiếu; kỳ hạn trái phiếu: 10 năm, lãi suất: áp dụng cho toàn bộ hạn 10 (mười) năm là lãi suất thả nổi và bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1.0%/năm; hình thức trái Phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ngày phát hành: Ngày 30/7/2020 - ngày đáo hạn: Ngày 30/7/2030. Phương thức trả gốc, lãi:

+ Tiền lãi Trái phiếu 2030 được trả định kỳ 01 (một) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030;

+ Nếu Trái phiếu 2030 được Tổ chức Phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của Trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc Trái Phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu năm 2030;

+ Nếu ngày thanh toán Lãi trái phiếu và/hoặc ngày thực hiện Quyền Mua lại Trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đáo hạn Trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo ngày sau ngày đó.

(2): Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đợt phát hành ngày 24/12/2020 (Mã trái phiếu: AGRIBANK202703): Số lượng 1.000 trái phiếu phổ thông tại ngày 24/12/2020, mệnh giá Trái phiếu: 1.000.000 VND/Trái phiếu; tổng mệnh giá Trái Phiếu: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng), kỳ hạn 7 năm; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 07 năm là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức sau: (Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + Biên độ, trong đó: Mức cộng biên độ hàng năm cho 05 năm đầu tiên là 1.3%/năm, mức cộng biên độ năm thứ 05 và năm thứ 07 mỗi năm là 1.5%/năm; hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức Ghi sổ. Trái phiếu này đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Ngày phát hành: 24/12/2020, ngày đáo hạn: 24/12/2027. Phương thức thanh toán gốc, lãi:

+ Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) lần vào "Ngày thanh toán Lãi" là mỗi ngày tròn 01 (một) năm kể từ ngày Phát hành, riêng tiền lãi cho Kỳ tính Lãi cuối cùng của Trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái phiếu vào ngày đáo hạn;

+ Trừ khi được mua lại trước hạn hoặc được mua theo các quy định của Các điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu vào ngày Đáo hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>				<b>158.225.790.657</b>	-	<b>161.234.996.644</b>
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	31,21%	31,21%	112.370	18.546.801.553	-	18.571.555.417
Công ty Cổ phần Tập đoàn VLC	56,28%	32,94%	2.840.800	27.904.996.853	-	27.881.040.799
Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu (1)	41,52%	41,52%	11.020.298	100.916.285.222	-	105.468.479.145
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	50%	50%	10.857.707.029	10.857.707.029	-	9.313.921.283
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				<b>51.060.883.587</b>	<b>(7.735.160.000)</b>	<b>(7.735.160.000)</b>
Công ty Cổ phần Giải pháp Sơn chuyên nghiệp PAINTPRO	18,34%	18,64%	441.146	4.484.759.811	(4.335.160.000)	4.484.759.811
Công ty TNHH VICO (2)	12%	12%	12.132.544.000	12.132.544.000	-	12.132.544.000
Công ty Cổ phần SIVICO (3)	7%	7%	202.500	1.243.579.776	-	1.243.579.776
Công ty Cổ phần Bao Bi VLC	5%	5%	140.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000
Công ty CP Tôn mạ màu Việt Pháp			340.000	3.400.000.000	(3.400.000.000)	3.400.000.000
Ủy thác cho Công ty cổ phần Tập đoàn VLC đầu tư				28.400.000.000	-	28.400.000.000
<b>Tổng</b>				<b>209.286.674.244</b>	<b>(7.735.160.000)</b>	<b>(*) 212.295.880.231</b>
						<b>(7.735.160.000)</b>

(1): Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 791.830 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty nắm giữ là 10.657.530 cổ phiếu.

(2): Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vico, trong năm 2018 Công ty chia lợi nhuận năm 2017 tăng vốn góp các thành viên là 6.066.272.000 đồng và Công ty Sơn Hải Phòng góp vốn bổ sung vốn là 6.066.272.000 đồng. Năm 2020, Công ty TNHH Vico tăng vốn 15% bằng lợi nhuận năm 2019 tương đương với số tiền là 2.729.822.000 đồng.

(3): Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần SIVICO và được chia cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng là 78.142 cổ phiếu. Do vậy, số cổ phiếu Công ty nắm giữ là 202.500 cổ phiếu.

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>262.914.336.712</b>	<b>238.124.969.997</b>
Công ty TNHH sơn Samhwa Hải Phòng	75.112.595.935	9.594.645.001
Công ty Cổ phần Sản xuất bảo hộ lao động và thương mại Sơn Linh	743.273.848	14.111.362.925
Công ty Cổ phần Sơn và hóa chất Hoa Phượng	2.320.590.091	3.459.152.657
Công ty Cổ phần Sơn Quang Huy	-	31.042.496.000
Phải thu các đối tượng khác	184.737.876.838	179.917.313.414
<b>Tổng</b>	<b>262.914.336.712</b>	<b>238.124.969.997</b>
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i> (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)	<i>75.809.382.582</i>	<i>9.594.645.001</i>

**5.4 Phải thu khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>37.165.628.288</b>	-	<b>21.734.947.151</b>	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	3.124.314.646	-	5.344.254.503	-
Phải thu lãi đầu tư vốn và cổ tức	19.879.138.034	-	13.103.000.786	-
Tạm ứng	2.913.248.306	-	2.440.378.843	-
Kỳ cược, ký quỹ	1.358.188.085	-	422.618.281	-
Phải thu khác	9.890.739.217	-	424.694.738	-
<b>Tổng</b>	<b>37.165.628.288</b>	-	<b>21.734.947.151</b>	-
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i> (Chi tiết xem tại Thuyết minh 7.1)	<i>8.974.752.170</i>	-	<i>6.256.638.912</i>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.5 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	4.507.468.663	644.873.581	3.697.256.569	719.147.616
<i>Trong đó:</i>	<b>Quá hạn 6 tháng - 01</b>	<b>Quá hạn 01-02 năm</b>	<b>Quá hạn 02-03 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty TNHH Dương Giang	-	448.623.581	-	-
Công ty Cổ phần Minh Xuân	-	-	-	358.680.064
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiển	-	-	-	263.882.194
Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt	-	-	-	810.212.094
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	-	-	392.388.933
Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Sao Thủy	-	858.206.864	-	-
Công ty TNHH Thương mại và xăng dầu Hoàng Linh	-	-	219.108.246	-
Các đối tượng khác	-	-	-	1.156.366.687
<b>Tổng</b>	<b>1.306.830.445</b>	<b>219.108.246</b>	<b>2.981.529.972</b>	

**5.6 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	178.385.275.177	(804.975.975)	98.866.471.007	(1.182.756.928)
Công cụ, dụng cụ	1.856.192.151	-	1.786.790.313	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	853.143.963	(451.304.109)	693.114.290	-
Thành phẩm	67.958.547.651	(860.528.786)	60.291.767.664	(1.263.234.848)
Hàng hóa	2.533.976.552	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>251.587.135.494</b>	<b>(2.116.808.870)</b>	<b>161.638.143.274</b>	<b>(2.445.991.776)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.025.971.520</b>	<b>669.451.426</b>
Chi phí Bảo hiểm	61.847.396	-
Chi phí sửa chữa	-	78.655.857
Công cụ dụng cụ phân bổ	402.902.652	495.052.534
Các khoản khác	561.221.472	95.743.035
<b>Dài hạn</b>	<b>673.845.000</b>	<b>653.400.000</b>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	310.845.000	-
CP trả trước mua công thức Sơn	363.000.000	653.400.000
<b>Tổng</b>	<b>1.699.816.520</b>	<b>1.322.851.426</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	70.029.860.763	114.189.031.515	62.556.811.179	9.129.430.850	255.905.134.307
Tăng trong năm	7.890.444.847	9.807.333.581	2.502.616.727	1.608.204.000	21.808.599.155
Mua trong năm	-	3.504.194.720	2.072.616.727	1.608.204.000	7.185.015.447
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.890.444.847	6.115.638.861	430.000.000	-	14.436.083.708
Tăng khác	-	187.500.000	-	-	187.500.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	817.480.000	173.699.992	991.179.992
Thanh lý, nhượng bán	-	-	817.480.000	-	817.480.000
Giảm khác	-	-	-	173.699.992	173.699.992
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>77.920.305.610</b>	<b>123.996.365.096</b>	<b>64.241.947.906</b>	<b>10.563.934.858</b>	<b>276.722.553.470</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	32.817.313.379	70.999.533.269	32.739.609.397	6.651.817.297	143.208.273.342
Tăng trong năm	3.375.255.074	8.389.465.706	5.116.299.417	745.637.414	17.626.657.611
Khấu hao trong năm	3.375.255.074	8.389.465.706	5.116.299.417	745.637.414	17.626.657.611
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	817.480.000	173.699.992	991.179.992
Thanh lý, nhượng bán	-	-	817.480.000	-	817.480.000
Giảm khác	-	-	-	173.699.992	173.699.992
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>36.192.568.453</b>	<b>79.388.998.975</b>	<b>37.038.428.814</b>	<b>7.223.754.719</b>	<b>159.843.750.961</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2021	37.212.547.384	43.189.498.246	29.817.201.782	2.477.613.553	112.696.860.965
Tại 31/12/2021	41.727.737.157	44.607.366.121	27.203.519.092	3.340.180.139	116.878.802.509

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã đúng theo hình đã đúng theo pháp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 33.170.334.715 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là 55.151.304.803 đồng). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 66.864.560.642 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là 63.116.793.520 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Hệ thống quản lý môi trường	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	5.038.810.859	2.044.834.500	272.015.238	467.129.469	7.822.790.066
Tăng trong năm	-	240.991.403	-	-	240.991.403
Mua trong năm	-	240.991.403	-	-	240.991.403
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>5.038.810.859</b>	<b>2.285.825.903</b>	<b>272.015.238</b>	<b>467.129.469</b>	<b>8.063.781.469</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2021	2.320.240.804	1.451.547.634	272.015.238	280.114.435	4.323.918.111
Tăng trong năm	1.080.856.032	351.257.412	-	52.190.244	1.484.303.688
Khấu hao trong năm	1.080.856.032	351.257.412	-	52.190.244	1.484.303.688
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>3.401.096.836</b>	<b>1.802.805.046</b>	<b>272.015.238</b>	<b>332.304.679</b>	<b>5.808.221.799</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2021	2.718.570.055	593.286.866	-	187.015.034	3.498.871.955
Tại 31/12/2021	1.637.714.023	483.020.857	-	134.824.790	2.255.559.670

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 272.015.238 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là 272.015.238 đồng).

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- Chi phí nâng cấp phần mềm	335.000.000	335.000.000	-	-
- Dây chuyền máy móc, thiết bị	75.000.000	75.000.000	46.465.000	46.465.000
- Cải tạo sửa chữa nhà xưởng sản xuất	-	-	490.633.285	490.633.285
- Lắp đặt nhà nấu nhựa Alkyd	-	-	4.250.292.152	4.250.292.152
- Sửa chữa công trình nhà văn phòng	-	-	80.021.818	80.021.818
- Mua sắm tài sản cố định	62.383.513	62.383.513	-	-
<b>Tổng</b>	<b>472.383.513</b>	<b>472.383.513</b>	<b>4.867.412.255</b>	<b>4.867.412.255</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.11 Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>180.556.629.847</b>	<b>180.556.629.847</b>	<b>67.556.336.141</b>	<b>67.556.336.141</b>
Công ty TNHH FSI Việt Nam	4.961.561.498	4.961.561.498	4.086.301.175	4.086.301.175
Guangzhou Kinte Industrial	20.220.650.291	20.220.650.291	8.345.245.199	8.345.245.199
KUKDO CHEMICAL CO. LTD	12.681.535.525	12.681.535.525	1.488.063.103	1.488.063.103
ANHUI MEIJIA NEW MATERIALS CO., LTD	4.422.701.253	4.422.701.253	-	-
Chugoku Marine Paint Singapore	13.795.189.271	13.795.189.271	6.925.290.195	6.925.290.195
SAMHWA PAINTS IND CO., LTD	44.454.929.681	44.454.929.681	3.522.451.615	3.522.451.615
Công ty cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	5.324.938.694	5.324.938.694	1.011.294.129	1.011.294.129
Allnex Thailand Ltd	1.594.174.012	1.594.174.012	2.136.563.749	2.136.563.749
Phải trả người bán ngắn hạn khác	73.100.949.622	73.100.949.622	40.041.126.976	40.041.126.976
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>180.556.629.847</b>	<b>180.556.629.847</b>	<b>67.556.336.141</b>	<b>67.556.336.141</b>
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>5.324.938.694</i>	<i>5.324.938.694</i>	<i>1.011.294.129</i>	<i>1.011.294.129</i>

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	<b>Phải nộp</b>	<b>4.392.080.600</b>	<b>68.730.443.031</b>	<b>71.149.958.071</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.347.053.962	57.216.645.895	59.298.661.251	265.038.606
Thuế XNK	-	2.547.939.854	2.547.939.854	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.901.908.485	4.333.953.547	4.680.250.535	1.555.611.497
Pha sinh trong năm	1.901.908.485	4.299.503.039	4.645.800.027	1.555.611.497
Trữ thu thuế	-	34.450.508	34.450.508	-
Thuế thu nhập cá nhân	129.735.621	4.386.142.116	4.384.711.799	131.165.938
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	144.438.137	144.438.137	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	13.382.532	101.323.482	93.956.495	20.749.519
<b>Phải thu</b>	<b>12.064.205</b>	<b>108.136.093</b>	<b>115.585.880</b>	<b>19.513.992</b>
Thuế XNK	12.064.205	108.136.093	115.585.880	19.513.992

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.394.118.321</b>	<b>4.429.389.561</b>
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả CMP	6.461.883.359	1.547.800.107
Chi phí lãi vay	464.000.000	534.200.000
Trích chi phí vật tư, chi phí khác	1.251.880.593	731.226.048
Các khoản khác	-	404.444.137
Dự phòng hàng lỗi	-	268.750.000
Chi phí sử dụng bản quyền phải trả Samhwa	1.216.354.369	942.969.269
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>9.394.118.321</b>	<b>4.429.389.561</b>

**5.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.635.827.768</b>	<b>15.386.526.507</b>
Kinh phí công đoàn	457.008.319	434.890.664
Bảo hiểm xã hội	4.327.401	1.513.408
Phải trả cổ phần hóa	105.050.000	105.050.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	450.443.380	1.296.900.255
Phải trả, phải nộp khác	15.618.998.668	13.548.172.180
Công Ty Cổ Phần Bao Bì VLC	3.800.548	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	2.886.311.612	4.904.438.764
Góp vốn mua du thuyền	7.434.500.000	7.434.500.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.294.386.508	1.209.233.416
<b>Tổng</b>	<b>16.635.827.768</b>	<b>15.386.526.507</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	406.598.424.501	406.598.424.501	895.831.025.753	825.748.976.003	336.516.374.751	336.516.374.751
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (1)	137.879.284.714	137.879.284.714	293.916.072.914	284.701.249.431	128.664.461.231	128.664.461.231
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh HCM (2)	21.470.339.052	21.470.339.052	69.565.238.125	76.846.505.335	28.751.606.262	28.751.606.262
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	18.732.561.580	18.732.561.580	48.367.228.287	29.634.666.707	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	119.556.564.004	119.556.564.004	219.204.314.487	213.614.714.751	113.966.964.268	113.966.964.268
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (3)	368.169.750	368.169.750	3.851.624.864	9.011.873.884	5.528.418.770	5.528.418.770
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (USD)	6.637.245.400	6.637.245.400	6.637.245.400	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	31.533.588.700	31.533.588.700	31.533.588.700	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (4)	44.055.096.947	44.055.096.947	194.072.348.594	194.678.064.567	44.660.812.920	44.660.812.920
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (5)	26.365.574.354	26.365.574.354	28.683.364.382	17.261.901.328	14.944.111.300	14.944.111.300
<b>Vay dài hạn</b>	41.412.955.348	41.412.955.348	63.386.367.701	43.046.388.767	21.072.976.414	21.072.976.414
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội (6), (7), (8)	2.618.033.264	2.618.033.264	-	2.219.939.865	4.837.973.129	4.837.973.129
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	38.794.922.084	38.794.922.084	63.386.367.701	40.826.448.902	16.235.003.285	16.235.003.285
<b>Tổng</b>	<b>448.011.379.849</b>	<b>448.011.379.849</b>	<b>959.217.393.454</b>	<b>868.795.364.770</b>	<b>357.589.351.165</b>	<b>357.589.351.165</b>

<1> Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2020/HĐCVHM/NHCT168-SONHP ký ngày 22/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng). Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168-CPSONHP ngày 31/10/2019. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 22/12/2020 đến hết ngày 30/11/2021. Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được xác định tại từng khế ước và theo biên bản điều chỉnh (nếu có).

30

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

<2> Hợp đồng tín dụng ngắn hạn tuần hoàn số STVN1304-19 ngày 08/7/2019 giữa Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với số hạn mức tín dụng là 1.800.000 USD (Bằng chữ: Một triệu tám trăm ngàn đô la mỹ chẵn). Thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 08/7/2019, hàng năm vào đúng ngày hết hạn của khoản tín dụng thì khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn thêm một thời hạn là 01 năm trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng đã bị ngân hàng hủy bỏ. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được áp dụng là mức lãi suất tính theo năm do Ngân hàng xác định và được bên vay chấp thuận. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ là 180 ngày (bao gồm cả thời hạn trả chậm cung cấp bởi người bán nếu khoản vay đó dùng để thanh toán cho thư tín dụng). Mục đích vay: tài trợ cho vốn lưu động.

<3> Hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-202000770 ký ngày 15/12/2020 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng với hạn mức cấp tín dụng là 120.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng). Hạn mức cho vay bao gồm toàn bộ nợ và nghĩa vụ tại hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201900779 ký ngày 11/12/2019. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, dầu, nhựa các loại và các mặt hàng khác theo giấy phép kinh doanh cho kỳ kế hoạch kinh doanh năm 2020 - 2021. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nhận nợ tối đa không quá 06 tháng/lần nhận nợ kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay tại các TCTD khác trong trường hợp cho vay trả nợ khoản cấp tín dụng tại các TCTD khác. Lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc trong hạn: VND: 7,5%/năm; USD: 4,5%/năm. Cho vay có bảo đảm một phần bằng tài sản, tỷ lệ cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa 40% tổng mức cấp tín dụng.

(4): Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2021/HĐCVHM/VCB-SHP2 ngày 28/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng số 2 với hạn mức cho vay là 70.000.000.000 đồng bao gồm dư nợ vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2020/HĐCVHM/VCB-SHP2 ký ngày 14/10/2020 giữa ngân hàng và khách hàng tính đến ngày ký hợp đồng này. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp lý, hợp pháp và hợp lệ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất cho vay được xác định theo từ điển ký hợp đồng là 8,67%/năm. bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng số 01.2021/VCB-SHP2 ngày 28/10/2021.

<5> Vay cá nhân trong Công ty lãi suất 7,5%/năm.

<6> Hợp đồng cho thuê tài chính số C190628812 ngày 27/6/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng v/v thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 28/6/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 1.376.828.579 VND, trả trước số tiền 385.512.002 VND, giá trị thuê là 991.316.577 VND, Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%), lãi suất tạm tạm thời tại thời điểm ký hợp đồng 8,62%/năm.

<7> Hợp đồng cho thuê tài chính số C190629012 ngày 28/08/2019 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng v/v thuê tài sản với thời hạn thuê 30 tháng kể từ ngày 29/8/2019, tổng giá trị tài sản thuê là 784.890.480 VND, trả trước số tiền 219.769.334 VND, giá trị thuê là 565.121.146 VND. Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%), lãi suất tạm tạm thời tại thời điểm ký hợp đồng là 8,67%/năm.

<8> Hợp đồng thuê tài sản số C201025715-PC ngày 28/10/2020 giữa Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng về việc thuê tài sản với thời hạn thuê là 36 tháng kể từ 07/12/2020, tổng giá trị tài sản thuê là 6.143.710.719 đồng, trả trước số tiền 1.720.239.001 VND, giá trị thuê là 4.423.471.718 VND, Lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC + Biên độ (2,14%), lãi suất tạm tạm thời tại thời điểm ký hợp đồng là 8,75%/năm.

31

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	148.023.554.694	95.128.492.944	16.779.964.310	357.574.111.600
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	100.187.611.426	5.108.269.648	105.295.881.074
Trích Quỹ đầu tư Phát triển	-	-	-	-	47.112.307.768	(47.112.307.768)	-	-
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	(23.881.308.000)	(23.881.308.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(12.198.781.541)	(840.213.110)	(13.038.994.651)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT	-	-	-	-	-	(2.081.000.000)	(2.081.000.000)	(2.081.000.000)
Chị trả cổ tức công ty con	-	-	-	-	-	(2.124.000.000)	(2.124.000.000)	(4.248.000.000)
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	(186.725.094)	1.209.340.483	(31.576.133)	991.039.256
Phạt thuế	-	-	-	-	-	(113.436.364)	-	(113.436.364)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>80.071.770.000</b>	<b>10.787.152.766</b>	<b>7.250.586.886</b>	<b>(467.410.000)</b>	<b>194.949.137.368</b>	<b>109.014.611.180</b>	<b>18.892.444.715</b>	<b>420.498.292.915</b>
Số dư tại 01/01/2021	80.071.770.000	10.787.152.766	7.250.586.886	(467.410.000)	194.949.137.368	109.014.611.180	18.892.444.715	420.498.292.915
Lãi trong năm này	-	-	-	-	-	66.890.654.650	4.336.963.375	71.227.618.025
Trích Quỹ đầu tư Phát triển (i)	-	-	-	-	57.469.769.103	(57.469.769.103)	-	-
Chia trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(23.881.308.000)	(23.881.308.000)	(23.881.308.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(18.187.972.548)	(398.638.751)	(18.586.611.299)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT (i)	-	-	-	-	-	(2.478.000.000)	-	(2.478.000.000)
Chị trả cổ tức công ty con (i)	-	-	-	-	-	-	(2.336.400.000)	(2.336.400.000)
Tặng góp vốn công ty con mới	-	-	-	-	-	-	1.080.000.000	1.080.000.000
(i)	-	-	-	-	-	(109.241.744)	-	(109.241.744)
Truy thu thuế TNDN (Công ty con)	-	-	-	-	-	(34.450.508)	-	(34.450.508)
<b>Số dư tại 31/12/2021</b>	<b>80.071.770.000</b>	<b>10.787.152.766</b>	<b>7.250.586.886</b>	<b>(467.410.000)</b>	<b>252.418.906.471</b>	<b>73.744.523.927</b>	<b>21.574.369.339</b>	<b>445.379.899.389</b>

(i): Trong năm Công ty và các Công ty con thực hiện phân phối theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con, công ty liên kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	80.071.770.000	80.071.770.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	80.071.770.000	80.071.770.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>23.881.308.000</b>	<b>23.881.308.000</b>

**c. Cổ tức**

**Cổ tức công bố sau ngày kết thúc năm tài chính**

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2021 Cổ phiếu	Năm 2020 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đầu năm</b>	<b>8.007.177</b>	<b>8.007.177</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>46.741</b>	<b>46.741</b>
Cổ phiếu phổ thông	46.741	46.741
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.960.436</b>	<b>7.960.436</b>
Cổ phiếu phổ thông	7.960.436	7.960.436
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Chưa công bố, mới thông báo tạm ứng cổ tức năm 2021 là 15%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.029.930.498.505	854.834.611.091
Doanh thu khác	1.278.958.200	-
<b>Tổng</b>	<b>1.031.209.456.705</b>	<b>854.834.611.091</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	1.014.391.645	622.270.897
<b>Tổng</b>	<b>1.014.391.645</b>	<b>622.270.897</b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.028.916.106.860	854.212.340.194
Doanh thu khác	1.278.958.200	-
<b>Tổng</b>	<b>1.030.195.065.060</b>	<b>854.212.340.194</b>
<i>Trong đó doanh thu các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>135.733.161.751</i>	<i>55.215.495.654</i>

**6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	854.652.847.792	628.401.140.313
Giá vốn khác	1.250.036.137	-
<b>Tổng</b>	<b>855.902.883.929</b>	<b>628.401.140.313</b>
<i>Trong đó giá vốn các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>17.303.042.381</i>	<i>465.914.893</i>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.114.499.158	9.926.271.527
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.838.936.560	3.519.903.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	414.418.211	343.376.887
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	72.338.999	4.659.702
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	766.286
<b>Tổng</b>	<b>16.440.192.928</b>	<b>13.794.978.202</b>
<i>Trong đó doanh thu tài chính các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>674.220.000</i>	<i>674.220.000</i>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	22.286.971.975	22.427.072.149
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.964.388.153	2.185.476.740
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	259.515.416	166.257.307
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	4.335.160.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	2.685.400
<b>Tổng</b>	<b>24.510.875.544</b>	<b>29.116.651.596</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>64.258.350.589</b>	<b>71.229.224.378</b>
Chi phí nhân viên	14.218.223.451	14.624.291.276
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	307.251.068	383.872.887
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.551.574.638	1.379.172.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí bốc xếp, vận chuyển	12.627.335.128	15.656.662.461
- Chi phí quảng cáo tiếp thị	9.484.289.450	11.869.038.205
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	11.045.220.008	11.957.141.433
Chi phí bằng tiền khác	15.024.456.846	15.359.045.501
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>24.702.123.813</b>	<b>27.588.506.721</b>
Chi phí nhân viên quản lý	13.260.014.328	13.077.116.058
Chi phí vật liệu quản lý	28.395.456	33.058.522
Chi phí đồ dùng văn phòng	708.269.382	858.926.358
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.084.930.910	1.421.575.435
Thuế phí và lệ phí	950.681.527	927.442.785
Chi phí dự phòng	1.137.310.657	1.224.516.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.232.720.533	1.885.804.889
Chi phí bằng tiền khác	6.552.625.548	8.160.065.861
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(252.824.528)</b>	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(252.824.528)	-
<b>Tổng</b>	<b>88.960.474.402</b>	<b>98.817.731.099</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý, bán phế liệu, vật tư, công cụ	-	413.210.000
Thu chênh lệch kiểm kê	67.140.782	40.609.775
Thu từ bồi thường bảo hiểm cháy nổ kho B05	619.408.936	-
Thu cho thuê nhà văn phòng	84.000.000	494.666.364
Các khoản khác	-	337.571.326
<b>Tổng</b>	<b>770.549.718</b>	<b>1.286.057.465</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi chi vật tư thiết hại cháy nổ kho B05	261.888.356	-
Giá trị còn lại tài sản, công cụ, vật tư thanh lý	-	370.043.664
Chi phí phạt truy thu thuế GTGT, TNDN	-	731.540.674
Chi phí khác	16.820.168	-
<b>Tổng</b>	<b>278.708.524</b>	<b>1.101.584.338</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>491.841.194</b>	<b>184.473.127</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.299.503.039	5.303.266.736
<b>Tổng</b>	<b>4.299.503.039</b>	<b>5.303.266.736</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	66.890.654.650	100.187.611.426
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	(20.251.117.983)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	66.890.654.650	79.936.493.443
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.960.436	7.960.436
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>8.403</b>	<b>10.042</b>

(i): Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Các khoản điều chỉnh giảm năm 2020 là khoản phân phối Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty mẹ Nghị quyết số 18/NQ-DHĐCĐ ngày 23/4/2021 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng Số 2 về việc phân phối lợi nhuận, như trình bày tại thuyết minh số 6.8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2020 từ 12.586 VND/cổ phiếu xuống 10.042 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

	Năm 2020 VND (Trình bày lại)	Năm 2020 VND (Đã trình bày)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	100.187.611.426	100.187.611.426
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (ii)	(20.251.117.983)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	79.936.493.443	100.187.611.426
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.960.436	7.960.436
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>10.042</b>	<b>12.586</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	642.361.361.344	461.384.988.035
Chi phí nhân công	60.219.467.490	55.589.391.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.110.961.299	18.249.283.568
Chi phí dự phòng	555.303.223	1.224.516.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.759.970.250	61.462.508.438
Chi phí khác bằng tiền	26.198.853.448	25.730.512.474
<b>Tổng</b>	<b>796.205.917.054</b>	<b>623.641.201.071</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trọng năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Thu nhập của Ban Giám đốc, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	2.387.185.500	1.980.295.000
Thu nhập của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Lương	4.911.755.222	5.050.591.851



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong đó:

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị		Năm 2021	Năm 2020
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	459.074.000	457.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	734.521.000	533.150.000
Vũ Trung Dũng	Thành viên HĐQT	275.444.000	228.495.000
Bùi Kim Ngọc	Thành viên HĐQT	275.444.000	228.495.000
Nguyễn Mạnh Lân	Thành viên HĐQT	275.444.000	228.495.000

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát		Năm 2021	Năm 2020
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	183.629.500	152.330.000
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	91.814.500	76.165.000
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	91.814.500	76.165.000

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác		Năm 2021	Năm 2020
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Nguyễn Văn Viện	Chủ tịch HĐQT	14.500.000	5.000.000
Nguyễn Mạnh Lân	Thành viên HĐQT	11.000.000	8.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	1.888.341.382	1.978.498.740
Vũ Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.030.091.091	1.070.968.771
Bùi Kim Ngọc	Kế toán trưởng	1.040.181.865	1.081.541.199
Lã Quỳnh Chi	Trưởng BKS	11.000.000	8.000.000
Hoàng Thị Thu	Thành viên BKS	660.869.082	654.219.385
Nguyễn Thị Thanh Trâm	Thành viên BKS	255.771.802	244.363.756

Giao dịch với các bên liên quan		Năm 2021	Năm 2020
Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	VND	VND
<b>Bán hàng hóa và dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng hóa	135.733.161.751	55.215.495.654
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Bán hàng	10.422.165.860	2.722.491.395
	Thuê văn phòng	125.226.995.891	52.409.004.259
		84.000.000	84.000.000
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>			
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Mua hàng	17.303.042.381	465.914.893
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Mua hàng	898.420.032	465.914.893
	Mua hàng	16.404.622.349	-
<b>Chia sẻ Công ty con, liên doanh</b>			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Cổ tức	674.220.000	674.220.000
		674.220.000	674.220.000
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Lãi đầu tư	49.501.431.424	73.541.637.257
		12.713.117.674	5.641.637.257
	Gốc đầu tư	36.788.313.750	67.900.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan		31/12/2021	01/01/2021
Các khoản phải trả		VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam		5.324.938.694	1.011.294.129
		5.324.938.694	1.011.294.129
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Bán hàng	75.809.382.582	9.594.645.001
Công ty TNHH Sơn Samhwa Hải Phòng	Bán hàng	696.786.647	-
		75.112.595.935	9.594.645.001
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Cổ tức	8.974.752.170	6.256.638.912
Công ty CP Bất động sản Sơn và Hóa chất Á Châu	Lãi đầu tư	674.220.000	674.220.000
		8.300.532.170	5.582.418.912

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Đoàn Thị Dung

Kế toán trưởng

Bùi Kim Ngọc

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng

